

Phụ lục II.1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc điều chỉnh)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư
			Số, ký hiệu, ngày	TMBT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn: TW, TP, khác)	Trong đó: ngân sách thành phố (TP)		
1	2	3	4	5	6	7	8
		TỔNG CỘNG				94.614.751	
I		Danh mục dự án thực hiện trong giai đoạn 2026-2030					
I.1		Danh mục dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030					
1	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng mới Trường THPT Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch	20/NQ-HĐND ngày 30/7/2021	170.514	170.514	85.050	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
2	5. Y tế, dân số và gia đình	Dự án Xây mới Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 1902/QĐ-UBND ngày 28/10/2025	676.754	676.754	649.743	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
3	13. Dự án khác	Dự án thay thế hệ thống máy lạnh trụ sở khối nhà nước	334/QĐ-UBND ngày 03/02/2025	28.780	28.780	21.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
4	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Sửa chữa cải tạo trường chính trị tỉnh Đồng Nai	2334/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	42.912	42.912	1.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
5	10.2 Cấp nước, thoát nước	Chống ngập úng khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa và suối Cầu Quan, thành phố Biên Hòa	20/NQ-HĐND ngày 30/7/2021	267.620	267.620	6.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
6	10.2 Cấp nước, thoát nước	Dự án Hệ thống thoát nước chống ngập úng khu vực xung quanh Trung tâm Văn hóa thông tin và Thể thao huyện Long Thành, huyện Long Thành	20/NQ-HĐND ngày 30/07/2021	92.987	92.987	70.035	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
7	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Trạm xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp đến cầu An Hào, phường An Bình, thành phố Biên Hòa	20/NQ-HĐND ngày 30/7/2021	201.643	201.643	124.819	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
8	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án Gia cố sạt lở bờ sông Đồng Nai đoạn ấp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1)	193/NQ-HĐND ngày 06/12/2019	101.143	101.143	72.668	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
9	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án Nạo vét Suối Sắn Mầu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai, thành phố Biên Hòa	3073/SKHĐT-XDCB ngày 27/11/2015	377.000	377.000	348.547	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
10	10.1 Giao thông	Xây dựng đường ven sông cải đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa	05/NQ-HĐND ngày 20/03/2020; 1103/QĐ-UBND ngày 9/4/2020	3.960.000	573.905	370.459	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
11	10.1 Giao thông	Dự án Tuyến đường kết nối vào cảng Phước An đoạn từ nút giao với tuyến đường 319 đến nút nút giao với tuyến cao tốc Bến Lức - Long Thành)	20/NQ-HĐND ngày 30/7/2021; 2915/QĐ-UBND ngày 25/8/2021	355.998	355.998	15.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
12	10.1 Giao thông	Đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ và thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	27/NQ-HĐND ngày 4/12/2020; 507/QĐ-UBND ngày 8/2/2021	462.270	462.270	130.312	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
13	10.1 Giao thông	Dự án đầu tư xây dựng cầu Mã Đà	283/QĐ-UBND ngày 2/7/2025	192.666	192.666	102.924	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
14	10.1 Giao thông	Xây dựng đường 25C đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1), huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch	2888/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 2327/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	877.813	877.813	295.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
15	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch	14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020; 2890/QĐ-UBND ngày 14/8/2020	1.493.500	1.493.500	972.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
16	10.1 Giao thông	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh	57/2022/QH15 ngày 16/6/2022	2.584.000		864.683	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
17	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.774B (Tà Lài - Trà Cỏ), huyện Tân Phú và huyện Định Quán	27/NQ-HĐND ngày 4/12/2020; 525/QĐ-UBND ngày 8/2/2021	852.060	852.060	840.083	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
18	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ khu dân cư dọc sông Rạch Cát đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp	21/NQ-HĐND ngày 30/7/2021	373.171	373.171	3.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
19	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường Tà Lài – Trà Cỏ (đoạn từ Km1+600 đến Km5+600) huyện Định Quán và huyện Tân Phú.	142/NQ-HĐND ngày 7/12/2018	131.500	131.500	5.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
20	10.1 Giao thông	Nâng cấp, xây dựng đoạn 1&2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán.	142/NQ-HĐND ngày 7/12/2018	349.586	349.586	2.300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
21	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Kiến cổ hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg (300 phòng học)	18/NQ-HĐND ngày 2/7/2021	300.000	300.000	136.094	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
22	10.1 Giao thông	Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	02/NQ-HĐND ngày 13/5/2024	1.474.000	474.000	474.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố

1	2	3	4	5	6	7	8
23	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa Vũng Tàu	32/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; 14/NQ-HĐND ngày 12/7/2023	480.000	247.266	196.219	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
24	10.1 Giao thông	Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước)	138/2024/QH15 ngày 28/6/2024	3.977.000	1.233.500	1.226.425	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
25	10.1 Giao thông	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bầu Bàng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 18/NQ-HĐND ngày 2/7/2021;	440.000	440.000	215.572	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
26	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	18/NQ-HĐND ngày 2/7/2021; 01/NQ-HĐND ngày 31/3/2022	1.450.000	1.450.000	917.310	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
27	10.1 Giao thông	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ	119/HĐND-KT ngày 18/5/2020	200.000	200.000	16.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
28	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đắk Woa huyện Bù Đăng	18/NQ-HĐND ngày 2/7/2021	138.000	138.000	58.447	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
29	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt	3327/QĐ-BNN-XD ngày 23/7/2021; 2262/QĐ-BNN-KH ngày 9/6/2023	646.000	186.000	50.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
30	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	50.000	10.200	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
31	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	100.000	100.000	20.104	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
32	10.1 Giao thông	Dự án Xây dựng đường giao thông phí Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	3397/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	1.860.000	755.000	413.115	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
33	10.1 Giao thông	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	188/HĐND-KT ngày 26/9/2019; 184/QĐ-UBND ngày 15/5/2026	294.764	122.964	74.964	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
34	10.1 Giao thông	Đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	178/NQ-HĐND ngày 29/10/2019	1.340.000	940.000	50.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
35	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	178/NQ-HĐND ngày 29/10/2019	614.000	299.721	20.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
36	5. Y tế, dân số và gia đình	Xây dựng Trạm Y tế phường Tân Hòa thành phố Biên Hòa	850/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	5.115	5.115	2.800	Ban Quản lý dự án khu vực 01
37	5. Y tế, dân số và gia đình	Xây dựng Trạm Y tế phường Tân Hiệp thành phố Biên Hòa	2282/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	13.300	13.300	3.100	Ban Quản lý dự án khu vực 01
38	5. Y tế, dân số và gia đình	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế phường Tân Vạn thành phố Biên Hòa	731/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	2.967	2.967	2.800	Ban Quản lý dự án khu vực 01
39	5. Y tế, dân số và gia đình	Xây dựng trạm y tế phường Bửu Long thành phố Biên Hòa	848/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	4.853	4.853	30	Ban Quản lý dự án khu vực 01
40	5. Y tế, dân số và gia đình	Xây dựng trạm y tế xã Long Hưng thành phố Biên Hòa	849/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	6.116	6.116	30	Ban Quản lý dự án khu vực 01
41	5. Y tế, dân số và gia đình	Xây dựng Trạm Y tế phường Long Bình thành phố Biên Hòa	2280/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	9.460	9.460	70	Ban Quản lý dự án khu vực 01
42	5. Y tế, dân số và gia đình	Xây dựng Trạm Y tế phường Trảng Dài thành phố Biên Hòa	2281/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	10.130	10.130	30	Ban Quản lý dự án khu vực 01
43	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng hoàn chỉnh Trường tiểu học Nguyễn Thái Học	52/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	65.498	65.498	47.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
44	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Tân Phong	131/NQ-HĐND ngày 26/9/2018	103.000	103.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
45	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa	20/NQ-HĐND ngày 03/8/2021	116.900	116.900	16.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
46	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Quang Vinh	68/NQ-HĐND ngày 20/12/2022	77.341	77.341	65.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
47	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường mầm non Tân Vạn	96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	75.300	75.300	42.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
48	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Hóa An 2	54/NQ-HĐND ngày 12/7/2018	90.000	90.000	37.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
49	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng, cải tạo Trường mầm non Tân Mai (cơ sở 1)	4243/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	23.341	23.341	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
50	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng, cải tạo Trường mầm non Tân Hòa	4245/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	25.846	25.846	17.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
51	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Long Bình 1	51/HĐND ngày 15/7/2022	199.031	199.031	100.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
52	13. Dự án khác	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Thống Nhất và Tân Mai, thành phố Biên Hòa	2505/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.054.531	1.054.531	110.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
53	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng, cải tạo Trường mầm non Long Bình Tân	4240/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	33.752	33.752	32.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
54	10.1 Giao thông	Gia cố bờ sông khu vực trụ T9 cầu Bửu Hòa	96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	215.000	215.000	120.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
55	13. Dự án khác	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Tam Hiệp (quy mô 6,2 ha)	70/NQ-HĐND ngày 20/12/2022	436.483	436.483	100.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
56	13. Dự án khác	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Bình Đa (quy mô 3 ha)	54/NQ-HĐND ngày 12/07/2018	183.942	183.942	80.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
57	13. Dự án khác	Khu dân cư phục vụ tái định cư Tân Vạn	127/HĐND ngày 03/10/2017; 3914/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	174.821	174.821	62.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
58	10.1 Giao thông	Đường nối từ khu dân cư phục vụ tái định cư phường Tam Hiệp 9,4ha ra đường Trần Quốc Toàn	19/HĐND ngày 03/08/2021	65.000	65.000	55.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01

1	2	3	4	5	6	7	8
59	10.1 Giao thông	Đường Vành Đai 1, thành phố Long Khánh	3464/QĐ-UBND ngày 28/12/2023; 28/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	1.458.382	872.661	170.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
60	10.1 Giao thông	Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh	2877/QĐ-UBND ngày 14/8/2020; 1167/QĐ-UBND ngày 25/4/2024; 174/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	205.421	205.421	30.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
61	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cài, thị xã Long Khánh	169/QĐ-UBND ngày 16/7/2015; 509/QĐ-UBND ngày 08/2/2021; 3821/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	544.644	544.644	75.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
62	10.1 Giao thông	Dự án mở rộng mặt đường, bố trí làn chờ chuyển hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hùng Vương (điểm Bến xe Long Khánh và điểm Công viên tượng đài), thành phố Long Khánh (CPBT NSTP)	14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	212.400	212.400	80.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
63	10.1 Giao thông	Xây dựng tuyến đường Xuân Lập - Hàng Gòn	1500/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	33.101	33.101	13.500	Ban Quản lý dự án khu vực 02
64	10.1 Giao thông	Nâng cấp tuyến đường Hồng Thập Tự, phường Xuân Trung (Đoạn đầu tuyến giáp đường Hùng Vương cuối tuyến giáp đường Hồ Thị Hương)	1863/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	16.457	16.457	800	Ban Quản lý dự án khu vực 02
65	10.1 Giao thông	Ngầm hóa đường dây hạ thế, trung thế trên đường CMT8 (đoạn giao Hùng Vương với Nguyễn Thị Minh Khai)	917/QĐ-UBND ngày 24/6/2023	24.277	24.277	525	Ban Quản lý dự án khu vực 02
66	10.1 Giao thông	Đầu tư xây dựng đường giao thông và công viên cây xanh dọc tuyến đường Huỳnh Văn Nghệ, P. Xuân Trung (nay thuộc phường Xuân An)	1476/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	66.204	66.204	30.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
67	10.1 Giao thông	Nâng cấp tuyến đường Võ Duy Dương	685/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	78.219	78.219	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
68	10.1 Giao thông	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Huệ), (100%NST)	2896/QĐ-UBND ngày 14/08/2020	110.330	110.330	60.800	Ban Quản lý dự án khu vực 03
69	10.2 Cấp nước, thoát nước	Hệ thống thoát nước ấp Tân Đạt, Tân Phát xã Đồi 61 huyện Trảng Bom (100%NST)	14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	88.920	88.920	21.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
70	10.1 Giao thông	Nâng cấp mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo (Đoạn từ ngã tư Tân Lập đến giáp hồ Trị An) huyện Trảng Bom	1349/QĐ-UBND ngày 23/04/2021	161.987	161.987	130.800	Ban Quản lý dự án khu vực 03
71	10.1 Giao thông	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba đường Trảng Bom - Cây Gáo)	2326/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	105.818	105.818	15.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
72	10.1 Giao thông	Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; NST 50%-NSH 50%)	3269/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	68.022	68.022	30.200	Ban Quản lý dự án khu vực 03
73	10.1 Giao thông	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	114/NQ-HĐND ngày 12/11/2019	306.267	306.267	49.600	Ban Quản lý dự án khu vực 03
74	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường Tiểu học - THCS Sông Mây	09/NQ-HĐND ngày 31/05/2024	108.516	108.516	89.800	Ban Quản lý dự án khu vực 03
75	1. Quốc phòng	Nhà Xã đội xã Đồi 61	1794/QĐ-UBND ngày 22/04/2024	6.477	6.477	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
76	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây mới Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm tại tổ 7, ấp 5, xã Sông Trầu	3147/QĐ-UBND ngày 31/07/2023	85.211	85.211	46.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
77	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây bậc tiểu học của trường THCS Võ Thị Sáu (cơ sở tại ấp 1, xã Sông Trầu)	1796/QĐ-UBND ngày 22/04/2023	33.224	33.224	11.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
78	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Sửa chữa trường THCS Nguyễn Bá Ngọc tại ấp Tân Hưng và xây mới phân hiệu tiểu học của Trường Nguyễn Bá Ngọc tại ấp Tân Phát, xã Đồi 61	24/NQ-HĐND ngày 18/10/2024	77.335	77.335	60.300	Ban Quản lý dự án khu vực 03
79	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường Tiểu học - THCS Minh Đức	08/NQ-HĐND ngày 31/05/2024	141.605	141.605	119.900	Ban Quản lý dự án khu vực 03
80	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp, cải tạo trường Mẫu giáo Quảng Tiến	5945/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	20.555	20.555	11.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
81	10.1 Giao thông	Đường Đinh Quang Ân	2760/QĐ-UBND ngày 30/06/2021	14.723	14.723	3.200	Ban Quản lý dự án khu vực 03
82	10.1 Giao thông	Đường nội đồng Suối Đá - cầu Công An	15872/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	21.369	21.369	7.700	Ban Quản lý dự án khu vực 03
83	10.1 Giao thông	Đường 3/2 (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Văn Linh)	897/QĐ-UBND ngày 01/04/2016	42.175	42.175	33.900	Ban Quản lý dự án khu vực 03
84	10.1 Giao thông	Đường Vườn Ngô	15997/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	46.586	46.586	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
85	10.1 Giao thông	Xây dựng nút giao thông đường Nguyễn Huệ, đường D8 Khu dân cư đầu nối với QL1A	1798/QĐ-UBND ngày 22/04/2024	12.443	12.443	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
86	10.1 Giao thông	Cải tạo, chỉnh trang đường 29/4 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Trần Phú)	2214/QĐ-UBND ngày 17/05/2024	43.761	43.761	23.300	Ban Quản lý dự án khu vực 03
87	10.1 Giao thông	Cải tạo, chỉnh trang đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền)	2137/QĐ-UBND ngày 10/05/2024	57.711	57.711	27.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
88	10.1 Giao thông	Đường D1 (trục dọc khu trung tâm dịch vụ KCN Bàu Xéo)	4581/QĐ-UBND ngày 30/08/2024	48.115	48.115	23.200	Ban Quản lý dự án khu vực 03
89	10.1 Giao thông	Cải tạo, chỉnh trang đường Trường Chinh	5939/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	26.920	26.920	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
90	10.1 Giao thông	Xây dựng hệ thống thoát nước chống ngập khu vực ngã tư Tân Lập và ấp Tân Lập 2	5961/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	24.329	24.329	9.300	Ban Quản lý dự án khu vực 03
91	10.1 Giao thông	Cải tạo mương thoát nước dọc đường Trảng Bom - Cây Gáo (đoạn từ cầu số 6 đến cầu số 10)	2423/QĐ-UBND ngày 12/05/2025	19.939	19.939	7.939	Ban Quản lý dự án khu vực 03
92	10.1 Giao thông	Mở rộng mặt đường, mương thoát nước đường Trảng Bom - Cây Gáo (đoạn từ đường Hùng Vương đến cầu số 6 và từ đoạn cầu số 10 đến đường 762)	4272/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	20.467	20.467	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực 03

1	2	3	4	5	6	7	8
93	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Tổng thể chỉnh trang cảnh quan khu vực Bờ Hồ	4643/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	46.961	46.961	37.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
94	13. Dự án khác	Khu tái định cư tại xã Bắc Sơn	10/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	144.221	144.221	133.200	Ban Quản lý dự án khu vực 03
95	10.1 Giao thông	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cánh đến đường Hùng Vương)	894/QĐ-UBND ngày 01/04/2016	54.835	54.835	48.200	Ban Quản lý dự án khu vực 03
96	10.1 Giao thông	Đường tránh ngã tư Dầu Giây, huyện Thống Nhất	2928/QĐ-UBND ngày 25/08/2021	99.247	99.247	30.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
97	10.1 Giao thông	Đường song hành Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km0+195 đến Km1+795), huyện Thống Nhất (NST100%)	2899/QĐ-UBND ngày 14/08/2020	199.000	199.000	3.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
98	10.1 Giao thông	Đường song hành Quốc lộ 1, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km1830+820 đến Km1832+400), huyện Thống Nhất	2901/QĐ-UBND ngày 14/08/2020	183.000	183.000	4.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
99	5. Y tế, dân số và gia đình	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Gia Tân 3 huyện Thống Nhất	1272/QĐ-UBND ngày 11/9/2025	1.999	1.999	535	Ban quản lý dự án khu vực 04
100	5. Y tế, dân số và gia đình	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Gia Kiệm huyện Thống Nhất	1273/QĐ-UBND ngày 11/9/2025	1.693	1.693	535	Ban quản lý dự án khu vực 04
101	5. Y tế, dân số và gia đình	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Xuân Thiện huyện Thống Nhất	1270/QĐ-UBND ngày 11/9/2025	2.615	2.615	668	Ban quản lý dự án khu vực 04
102	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án nạo vét và kè 2 bờ suối Reo (kênh thoát nước 5 xã Kiềm Tân), huyện Thống Nhất	2921/QĐ-UBND ngày 25/08/2021	299.852	299.852	132.572	Ban quản lý dự án khu vực 04
103	10.1 Giao thông	Đường trục chính D4 + D5 (tiếp giáp dự án khu dân cư A1-C1 đến đường N13)	4453/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	53.165	53.165	13.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
104	10.1 Giao thông	Đường bên hông chợ đầu mối (giai đoạn 2)	9185/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	173.339	173.339	15.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
105	10.1 Giao thông	Đường D6 (đoạn từ đường trước Trụ sở khối vận nối dài cắt đường bên hông chợ đầu mối Dầu Giây (giai đoạn 2) đến kết nối với Đường ven lò 203-205 ấp Nguyễn Thái Học, xã Bàu Hàm 2.	3169/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	40.014	40.014	6.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
106	10.1 Giao thông	Đường Đông Kim - Xuân Thiện (từ đường ĐT.770B đến Cầu Suối đá)	2827/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	41.352	41.352	5.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
107	10.1 Giao thông	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	8011/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	97.283	97.283	3.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
108	10.1 Giao thông	Đường N7 giai đoạn 3	897/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	107.119	107.119	10.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
109	10.1 Giao thông	Đường N7 nối dài	1791/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	54.074	54.074	6.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
110	10.1 Giao thông	Đường trục chính D8 (Từ đường N1 đến QL1A)	4692/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	58.947	58.947	10.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
111	10.1 Giao thông	Đường trục chính N1 - đô Thị Dầu Giây (đoạn từ đường D6 đến đường Trảng Bom-Xuân Lộc)	4691/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	35.017	35.017	6.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
112	10.1 Giao thông	Đường 135 (Đoạn từ đường Suối tre - Bình Lộc đến đường Lạc Sơn - Xuân Thiện)	9038/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	27.415	27.415	20.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
113	10.1 Giao thông	Đường cầu ông Bò đi thành phố Long Khánh	1785/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	43.115	43.115	20.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
114	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường mầm non Hoa Cúc	2383/QĐ-UBND ngày 8/7/2022	10.105	10.105	2.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
115	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường mầm non Sơn Ca	3013/QĐ-UBND ngày 6/10/2020	22.418	22.418	5.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
116	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường THCS Lý Tự trọng (Chuẩn quốc gia)	902/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	96.948	96.948	50.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
117	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường mầm non Hoa Mĩ, hạng mục Mở rộng, nâng cấp và cải tạo sửa chữa	225/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	44.994	44.994	25.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
118	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Cải tạo vỉa hè hệ thống chiếu sáng xung quanh công viên trung tâm huyện Thống Nhất	4622/QĐ-UBND ngày 16/11/2024	30.063	30.063	4.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
119	1. Quốc phòng	Xây dựng Trường bắn súng bộ binh và thao trường huấn luyện cho lực lượng vũ trang huyện Thống Nhất, hạng mục hạ tầng kỹ thuật	323/QĐ-UBND ngày 08/02/2023	31.500	31.500	15.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
120	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường mầm non Gia Kiệm, HM: Xây mới trên khuôn viên trường THCS Gia Kiệm cũ	4434/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	40.802	40.802	30.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
121	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Cải tạo sửa chữa trụ sở Đài truyền thanh huyện	3441/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	3.297	3.297	2.400	Ban quản lý dự án khu vực 04
122	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Hạ tầng khu dân cư phục vụ tái định cư B1 xã Hưng Lộc, Thị trấn Dầu Giây	2217/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	144.732	144.732	100.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
123	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Hạ tầng khu dân cư phục vụ tái định cư giai đoạn 2 xã Hưng Lộc	2218/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	107.310	107.310	75.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
124	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường Mầm non Gia Tân 3, hạng mục: xây mới phòng học và phòng chức năng	254/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	37.403	37.403	35.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
125	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Bạch Lâm, hạng mục: Mở rộng và xây dựng các phòng học, phòng chức năng	1381/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	44.604	44.604	40.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
126	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Tin Nghĩa, Hạng mục: xây dựng mới 21 phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng	25/NQ-HĐND ngày 20/12/2023; 250/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	72.473	72.473	70.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
127	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Xuân Thạnh, hạng mục Mở rộng và xây dựng các phòng học, phòng chức năng	660/QĐ-UBND ngày 02/3/2022	27.941	27.941	27.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
128	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Hoàng Hoa Thám	251/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	92775	92775	90.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
129	10.1 Giao thông	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1), huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch, do Long Thành thực hiện bồi thường				117.395	Ban quản lý dự án khu vực 05

1	2	3	4	5	6	7	8
130	10.1 Giao thông	Mở rộng đường Lê Duẩn (NST hỗ trợ 50% chi phí xây lắp)	521/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	1.025.670	1.025.670	448.784	Ban quản lý dự án khu vực 05
131	10.1 Giao thông	Đường Bùi Thị Xuân, huyện Long Thành (NST 100%)	1916/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	297.426	297.426	138.842	Ban quản lý dự án khu vực 05
132	10.2 Cấp nước, thoát nước	Dự án xây dựng tuyến thoát nước mưa từ khu dân cư Kim Oanh qua khu tái định cư Bình Sơn ra suối Ông Trữ tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành (NST 50%, phần còn lại do Công ty CPĐTPT Thuận Lợi 50%)	1350/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	91.426	45.713	15.290	Ban quản lý dự án khu vực 05
133	10.1 Giao thông	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ Võ Thị Sáu đến Vũ Hồng Phô)	7919/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	105.557	105.557	21.478	Ban quản lý dự án khu vực 05
134	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Hạ tầng khu Tái định cư tại xã Long Phước, huyện Long Thành	9177/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	364.721	364.721	50.739	Ban quản lý dự án khu vực 05
135	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường Hương lộ 21	7569/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	511.165	511.165	435.266	Ban quản lý dự án khu vực 05
136	10.1 Giao thông	Cầu Suối Phên đường Võ Thị Sáu, xã Long Đức	2092/QĐ-UBND ngày 02/3/2023	14.898	14.898	5.643	Ban quản lý dự án khu vực 05
137	10.1 Giao thông	Đường vào khu Trung tâm hành chính xã Bàu Cạn	2094/QĐ-UBND ngày 02/3/2023	20.213	20.213	14.817	Ban quản lý dự án khu vực 05
138	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường khai thác đá 3 xã Long An	7792/QĐ-UBND ngày 09/08/2023	48.873	48.873	31.767	Ban quản lý dự án khu vực 05
139	10.1 Giao thông	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Hai Bà Trưng đến chợ Long Thành)	9177/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	98.333	98.333	22.048	Ban quản lý dự án khu vực 05
140	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Long Phước	10413/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	56.870	56.870	36.544	Ban quản lý dự án khu vực 05
141	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Phước Thái (giai đoạn 2)	10185/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	27.579	27.579	17.980	Ban quản lý dự án khu vực 05
142	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường mầm non Tân Thành xã Bàu Cạn	7569/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	60.067	60.067	56.672	Ban quản lý dự án khu vực 05
143	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường Tiểu học Thái Thiện	9177/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	95.739	95.739	88.381	Ban quản lý dự án khu vực 05
144	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Tam An (Phân hiệu ấp 5)	1467/QĐ-UBND ngày 04/3/2024	31.474	31.474	26.708	Ban quản lý dự án khu vực 05
145	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Tân Thành	10677/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	79.205	79.205	74.079	Ban quản lý dự án khu vực 05
146	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Hạ tầng khu tái định cư tại thị trấn Long Thành (giai đoạn 1)	7231/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	934.106	934.106	834.246	Ban quản lý dự án khu vực 05
147	10.1 Giao thông	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quách Thị Trang), huyện Nhơn Trạch	2895/QĐ-UBND ngày 14/8/2020	639.040	639.040	30.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
148	10.1 Giao thông	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kéo, huyện Nhơn Trạch	4057/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	1.298.901	1.298.901	390.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
149	10.2 Cấp nước, thoát nước	Tuyến thoát nước hạ lưu đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch	3693/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	105.999	105.999	30.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
150	10.2 Cấp nước, thoát nước	Dự án Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Kỳ (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch (ngân sách huyện Nhơn Trạch thực hiện bồi thường)	4780/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	207.315	207.315	25.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
151	10.1 Giao thông	Xây dựng đường Liên cảng, huyện Nhơn Trạch (giai đoạn 1)	2878/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	4.142.000	2.142.000	500.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
152	10.1 Giao thông	Đường Lê Hồng Phong nối dài, huyện Nhơn Trạch	71/NQ-HĐND ngày 16/7/2019	231.138	231.138	30.000	Ban quản lý dự án khu vực 06
153	10.2 Cấp nước, thoát nước	Nâng cấp mở rộng mặt đường và hệ thống thoát nước dọc đường Nguyễn Văn Ký, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	7395/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	14.600	14.600	6.600	Ban quản lý dự án khu vực 06
154	10.2 Cấp nước, thoát nước	Chống sạt lở khu vực hồ chứa nước Hang Nai, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch,	2039/QĐ-UBND ngày 05/07/2023	30.000	30.000	13.100	Ban quản lý dự án khu vực 06
155	10.2 Cấp nước, thoát nước	Tuyến thoát nước Suối Sơn Hà, xã Vĩnh Thanh	3032/QĐ-UBND ngày 19/09/2023	59.988	59.988	15.000	Ban quản lý dự án khu vực 06
156	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Trị (đường Công Do), huyện Nhơn Trạch	2582/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	79.900	79.900	47.715	Ban quản lý dự án khu vực 06
157	10.2 Cấp nước, thoát nước	Tuyến thoát nước suối Đại Thắng, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch	2914/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	34.716	34.716	8.500	Ban quản lý dự án khu vực 06
158	10.1 Giao thông	Nâng cấp mặt đường và đầu tư hệ thống thoát nước đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cánh đến đường D1 khu dân cư HUD)	42/NQ-HĐND ngày 06/8/2021	134.368	134.368	75.000	Ban quản lý dự án khu vực 06
159	10.2 Cấp nước, thoát nước	Mương thoát nước đường Bà Hiệp, xã Long Thọ	4617/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	3.400	3.400	1.800	Ban quản lý dự án khu vực 06
160	10.2 Cấp nước, thoát nước	Mương thoát nước đường Ông Lại, xã Long Thọ	4618/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	3.100	3.100	1.500	Ban quản lý dự án khu vực 06
161	10.2 Cấp nước, thoát nước	Mương thoát nước đường Vườn chuối, xã Đại Phước	2254/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	2.599	2.599	1.000	Ban quản lý dự án khu vực 06
162	10.2 Cấp nước, thoát nước	Mương thoát nước đường Cộng Đồng, xã Đại Phước	2897/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	2.595	2.595	1.500	Ban quản lý dự án khu vực 06
163	10.2 Cấp nước, thoát nước	Tuyến mương thoát nước tổ 8, ấp Xóm Hố, xã Phú Hội	2894/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	2.765	2.765	1.500	Ban quản lý dự án khu vực 06
164	10.2 Cấp nước, thoát nước	Tuyến mương thoát nước tổ 13-14, xã Phú Hội	2985/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	2.543	2.543	1.000	Ban quản lý dự án khu vực 06
165	10.2 Cấp nước, thoát nước	Hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và vỉa hè đường từ nhà máy nước đến KCN1 (đoạn từ đường ĐT 769 đến ranh khu tái định cư Phước Thiện), xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch	2428/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	7.989	7.989	5.989	Ban quản lý dự án khu vực 06
166	10.2 Cấp nước, thoát nước	Nâng cấp, sửa chữa Đường và mương thoát nước dọc đường liên xã Hiệp Phước - Phước Thiện	2037/QĐ-UBND ngày 05/07/2023	12.000	12.000	1.080	Ban quản lý dự án khu vực 06
167	10.1 Giao thông	Đường số 2 (đoạn từ đường ranh khu tái định cư Phước Thiện đến đường Trần Phú)	2324/QĐ-UBND ngày 02/08/2023	57.746	57.746	55.000	Ban quản lý dự án khu vực 06
168	10.1 Giao thông	Đường số 3 (giai đoạn 1) (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường số 1), xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch	5711/QĐ-UBND ngày 19/08/2024	38.962	38.962	38.762	Ban quản lý dự án khu vực 06

1	2	3	4	5	6	7	8
169	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Hạ tầng TĐC Phước An (trả nợ Quỹ đầu tư phát triển)	5688/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	392.407	392.407	51.600	Ban quản lý dự án khu vực 06
170	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Hạ tầng TĐC Phú Hội (trả nợ Quỹ đầu tư phát triển)	3423/QĐ-UBND ngày 17/08/2015	450.493	450.493	38.082	Ban quản lý dự án khu vực 06
171	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Hiệp Phước 3 (giai đoạn 2), huyện Nhơn Trạch	3690/QĐ-UBND ngày 29/08/2020	250.000	250.000	140.000	Ban quản lý dự án khu vực 06
172	10.1 Giao thông	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm	515/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	172.348	172.348	58.493	Ban quản lý dự án khu vực 07
173	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú	2306/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	479.640	479.640	191.144	Ban quản lý dự án khu vực 07
174	5. Y tế, dân số và gia đình	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bảo Hòa huyện Xuân Lộc	961/ QĐ-UBND ngày 05/5/2023	12.060	12.060	4.000	Ban quản lý dự án khu vực 07
175	5. Y tế, dân số và gia đình	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Bắc huyện Xuân Lộc	1186/ QĐ-UBND ngày 24/5/2023	10.730	10.730	5.000	Ban quản lý dự án khu vực 07
176	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường Gia Tỵ, Cao Su	748/ QĐ-UBND ngày 14/3/2023	150.990	150.990	63.476	Ban quản lý dự án khu vực 07
177	10.1 Giao thông	Đường Suối Rết B	1380/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	147.858	147.858	46.000	Ban quản lý dự án khu vực 07
178	10.1 Giao thông	Đường Thọ Chánh - Thọ Tân (giai đoạn 2)	6058/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	55.000	55.000	27.474	Ban quản lý dự án khu vực 07
179	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường Mầm non Xuân Hưng	4233/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	31.145	31.145	14.000	Ban quản lý dự án khu vực 07
180	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường Mầm non Trảng Táo	4234/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	31.483	31.483	3.443	Ban quản lý dự án khu vực 07
181	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Chỉnh trang khu vực nút giao ngã ba Bưư điện	2578/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	3.500	3.500	398	Ban quản lý dự án khu vực 07
182	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Mạc Đình Chi	4232/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	32.444	32.444	31.000	Ban quản lý dự án khu vực 07
183	10.1 Giao thông	Đường dọc Sông Ray	2904/QĐ-UBND ngày 14/8/2020	189.220	189.220	110.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
184	5. Y tế, dân số và gia đình	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Quế	1950/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	14.260	14.260	9.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
185	5. Y tế, dân số và gia đình	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Thừa Đức	2891/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	13.130	13.130	10.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
186	5. Y tế, dân số và gia đình	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Bảo	1951/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	12.400	12.400	8.400	Ban quản lý dự án khu vực 08
187	10.1 Giao thông	Sửa chữa tuyến đường Cẩm Sơn - Cù Bị	1214/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	21.262	21.262	15.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
188	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế	2933/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	28.264	28.264	3.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
189	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Xuân Tây, xã Xuân Tây	19/NQ-HĐND ngày 20/10/2023	60.036	60.036	50.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
190	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Xây dựng mới trụ sở UBND xã Thừa Đức	2937/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	30.377	30.377	2.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
191	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Xây dựng mới trụ sở UBND xã Sông Nhạn	2938/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	31.276	31.276	2.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
192	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường Hương lộ 15, huyện Vĩnh Cửu	27/NQ-HĐND ngày 22/9/2022	538.998	538.998	220.691	Ban quản lý dự án khu vực 09
193	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn qua khu vực xã Tân An và Thiện Tân (khu vực chùa Phố Đà và đình công Tân An) huyện Vĩnh Cửu	20/NQ-HĐND ngày 30/7/2021	273.250	273.250	180.981	Ban quản lý dự án khu vực 09
194	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường Hương Lộ 6, xã Thanh Phú	581/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	411.882	411.882	300.000	Ban quản lý dự án khu vực 09
195	10.1 Giao thông	Đường Lý Thái tổ, đoạn từ ĐT.762 đến đường Võ Văn Tần	580/QĐ-UBND ngày 15/03/2023	63.396	63.396	50.000	Ban quản lý dự án khu vực 09
196	10.1 Giao thông	Đường kết nối, dẫn vào Cầu Hiếu Liêm	581/QĐ-UBND ngày 15/03/2023	108.180	108.180	60.000	Ban quản lý dự án khu vực 09
197	10.1 Giao thông	Đường Nguyễn Đình Chiểu, thị trấn Vĩnh An (đường D3 theo quy hoạch).	4113/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	77.321	77.321	62.000	Ban quản lý dự án khu vực 09
198	10.12 Quy hoạch	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư xã Tân Bình	1406/UBND-KT ngày 21/3/2025	1.477	1.477	316	Ban quản lý dự án khu vực 09
199	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng mới trường TH Kim Đồng (cơ sở 2)	2544/QĐ-UBND ngày 06/08/2024	44.754	44.754	3.000	Ban quản lý dự án khu vực 09
200	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng trường TH-THCS Vĩnh Tân	3530/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	140.745	140.745	100.000	Ban quản lý dự án khu vực 09
201	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới một số hạng mục trường Tiểu học Cây Gáo B (cơ sở 1)	4113/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	42.091	42.091	30.000	Ban quản lý dự án khu vực 09
202	10.1 Giao thông	Đường Kỳ Lân, xã Thiện Tân	101/NQ-HĐND ngày 19/6/2023	140.100	140.100	10.000	Ban quản lý dự án khu vực 09
203	10.1 Giao thông	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán	27/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	145.840	145.840	38.867	Ban quản lý dự án khu vực 10
204	10.1 Giao thông	Đường vành đai thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	193/NQ-HĐND ngày 06/12/2019	239.000	239.000	114.506	Ban quản lý dự án khu vực 10
205	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh	169/NQ-HĐND ngày 16/07/2015; 14/NQ-HĐND ngày 10/07/2020	454.601	454.601	54.001	Ban quản lý dự án khu vực 10

1	2	3	4	5	6	7	8
206	10.1 Giao thông	Đường Suối Rắc (đoạn từ Km 0+700 đến km 2+050)	04/NQ-HĐND ngày 25/05/2022	21.898	21.898	10.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
207	10.1 Giao thông	Đường nối Phú Ngọc - Gia Canh	04/NQ-HĐND ngày 25/05/2022	202.056	202.056	45.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
208	10.1 Giao thông	Đường Ngõ Sỹ Liên (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường Nguyễn Huệ)	04/NQ-HĐND ngày 25/05/2022	14.999	14.999	7.500	Ban quản lý dự án khu vực 10
209	10.1 Giao thông	Đường liên ấp 2-4-5 xã Thanh Sơn	04/NQ-HĐND ngày 25/05/2022	104.504	104.504	97.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
210	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Nguyễn Du	19/HĐND ngày 11/04/2018; 150/NQ-HĐND ngày 24/12/2020	63.322	63.322	35.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
211	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp Trường mầm non Túc Trưng	1411/QĐ-UBND ngày 20/06/2023	42.898	42.898	16.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
212	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường mầm non Hoa Hồng thị trấn Định Quán	150/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; 03/NQ-HĐND ngày 25/05/2022; 05/NQ-HĐND ngày 27/03/2023	94.643	94.643	14.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
213	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường Tiểu học Lê Lợi	19/NQ-HĐND ngày 20/10/2022	65.228	65.228	61.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
214	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường mầm non Sao Mai	04/NQ-HĐND ngày 25/05/2022	47.425	47.425	29.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
215	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Trưng Vương (điểm chính)	19/NQ-HĐND ngày 20/10/2022	48.993	48.993	40.800	Ban quản lý dự án khu vực 10
216	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Liên Sơn (điểm chính)	19/NQ-HĐND ngày 20/10/2022	52.872	52.872	49.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
217	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Huyện ủy huyện Định Quán	1872/QĐ-UBND ngày 10/06/2024	13.488	13.488	5.500	Ban quản lý dự án khu vực 10
218	13. Dự án khác	Khu tái định cư khu 8 ấp 5 xã Gia Canh	27/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	47.383	47.383	6.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
219	13. Dự án khác	Mở rộng khu tái định cư Lý Thái Tổ, thị trấn Định Quán	10/NQ-HĐND ngày 29/07/2024	178.930	178.930	150.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
220	2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Công an huyện Định Quán	1011/QĐ-UBND ngày 13/04/2023	14.942	14.942	7.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
221	10.2 Cấp nước, thoát nước	Đường ống cấp nước sinh hoạt ấp 1, 2 xã Thanh Sơn	1183/QĐ-UBND ngày 16/05/2023	24.294	24.294	1.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
222	10.2 Cấp nước, thoát nước	Mở rộng đường ống cấp nước tập trung cho xã Gia Canh	2000/QĐ-UBND ngày 28/06/2024	14.977	14.977	2.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
223	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Kênh nội đồng Trạm bơm ấp 1, xã Thanh Sơn	2156/QĐ-UBND ngày 10/06/2021	11.000	11.000	8.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
224	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp, mở rộng trường tiểu học Mạc Đình Chi	15/NQ-HĐND ngày 18/07/2023	47.500	47.500	47.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
225	10.1 Giao thông	Đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú	3465/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	150.135	150.135	25.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
226	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Trạm bơm ấp 3 xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	2924/QĐ-UBND ngày 25/8/2021	41.923	41.923	20.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
227	10.1 Giao thông	Đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú	2905/QĐ-UBND ngày 14/08/2020 và 2304/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	191.900	191.900	37.500	Ban quản lý dự án khu vực 11
228	5. Y tế, dân số và gia đình	Dự án Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Thanh huyện Tân Phú	2570/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	7.870	7.870	4.200	Ban quản lý dự án khu vực 11
229	10.1 Giao thông	Nâng cấp mở rộng đường Phú Lộc - Phú Tân	2644/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	116.419	116.419	26.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
230	10.1 Giao thông	Đường be 129 (giai đoạn 2)	2025/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	70.855	70.855	35.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
231	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Khu Tái định cư 15ha huyện Tân Phú	1198/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 và 2009/QĐ-UBND ngày 06/5/2024	592.762	592.762	136.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
232	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp trường Tiểu học Phú Đồng	2465/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	41.153	41.153	33.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
233	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Mở rộng trường Tiểu học Nguyễn Thị Định (23-26)	16/NQ-HĐND ngày 23/10/2024	119.590	119.590	41.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
234	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng	2434/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	31.997	31.997	19.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
235	10.1 Giao thông	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/07/2020	130.000	130.000	66.552	Ban quản lý dự án khu vực Bình Long
236	10.1 Giao thông	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/07/2020	130.000	130.000	14.984	Ban quản lý dự án khu vực Bình Long
237	10.1 Giao thông	Xây dựng đường giao thông bao quanh vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước. (01 nguồn: Nguồn đất)	2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	27.327	27.327	9.247	Ban quản lý dự án khu vực Bình Long
238	10.1 Giao thông	Thảm bê tông nhựa, mương nước đường Đoàn Thị Điểm (từ Hùng Vương đến Nguyễn Thái Học) (01 nguồn: Nguồn đất)	943/QĐ-UBND ngày 25/03/2024	20.900	20.900	1.000	Ban quản lý dự án khu vực Bình Long
239	10.1 Giao thông	XD đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương	15/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	360.000	360.000	284.400	Ban quản lý dự án khu vực Bình Long
240	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Xây dựng mương hậu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132/NQ-HĐND ngày 22/10/2020; 169/NQ-HĐND ngày 21/11/2024	57.000	57.000	35.980	Ban quản lý dự án khu vực Bình Long
241	10.1 Giao thông	Nâng cấp mở rộng, láng nhựa đường tổ 5,6,7,8,10 ấp Thanh Hải, xã Thanh Lương	133/NQ-HĐND ngày 20/10/2020	17.103	17.103	2.943	Ban quản lý dự án khu vực Bình Long
242	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng trường TH-THCS Thanh Lương (Giai đoạn 2), thị xã Bình Long	1420/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	44.000	44.000	18.200	Ban quản lý dự án khu vực Bình Long

1	2	3	4	5	6	7	8
243	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	XD trường THPT Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng (NS tính 100%)	41/NQ-HĐND ngày 6/12/2024	90.000	90.000	40.000	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
244	10.1 Giao thông	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong) (NST 100%)	1271/QĐ-UBND ngày 18/05/2021	30.000	30.000	24.000	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
245	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Xây dựng trụ sở làm việc xã Bù Đăng	41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020; 39/NQ-HĐND ngày 1822/QĐ-UBND ngày 29/06/2025	38.000	38.000	25.912	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
246	10.1 Giao thông	San lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đường kết nối KDC đường Lê Quý Đôn, TT Đức Phong	720/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	11.000	11.000	4.376	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
247	10.1 Giao thông	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu, thị trấn Đức Phong	08/NQ-HĐND ngày 28/7/2022	14.990	14.990	5.398	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
248	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng từ ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Đức Phong	34/NQ-HĐND ngày 19/12/2023; 21/NQ-HĐND ngày 22/07/2024; 35/NQ-HĐND ngày 29/10/2024	16.000	16.000	10.513	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
249	10.1 Giao thông	XD hạ tầng kỹ thuật đường Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai 8129924	35/NQ-HĐND ngày 29/10/2024	14.500	14.500	3.781	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
250	5. Y tế, dân số và gia đình	Nâng cấp, SC các khoa phòng và hạng mục khác Trung tâm y tế huyện Bù Đăng (giai đoạn 2)	112/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	18.000	18.000	12.500	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
251	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong (giai đoạn 2)	21/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 04/01/2022	40.000	40.000	12.000	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
252	10.1 Giao thông	Xây dựng đường liên xã từ đường ĐT759 (Cầu Sông Bé) xã Thanh Hoà đi xã Tân Tiến, xã Tân Thành huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	30/NQ-HĐND ngày 06/10/2023	37.500	37.500	22.500	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đốp
253	10.1 Giao thông	Xây dựng đường tránh Trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	1791/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	160.000	160.000	12.000	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đốp
254	10.1 Giao thông	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho trung tâm hành chính huyện và đầu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	2044/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	90.000	90.000	77.391	Ban quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
255	10.1 Giao thông	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện□	11/NQ-HĐND ngày 13/07/2020	90.000	90.000	8.475	Ban quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
256	10.1 Giao thông	Xây dựng đường liên xã Phú Nghĩa đi Phú Văn□	11/NQ-HĐND ngày 13/07/2020	54.000	54.000	39.342	Ban quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
257	10.1 Giao thông	Đường và cầu từ xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp□	02/NQ-HĐND ngày 05/5/2022	65.000	65.000	46.622	Ban quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
258	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập) đến đường QL 14C xã Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	18/NQ-HĐND 02/07/2021	75.000	75.000	10.080	Ban quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
259	10.1 Giao thông	Xây dựng đường ĐH16 từ ĐT760 đi phường Long Phước, thị xã Phước Long□	24/NQ-HĐND ngày 19/7/2023	36.000	36.000	22.678	Ban quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
260	10.1 Giao thông	Xây dựng đường vành đai ngoài TTHC huyện (đoạn từ ĐT.741 đến ĐT.760)	14/NQ-HĐND ngày 13/10/2022	25.000	25.000	16.326	Ban quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
261	10.1 Giao thông	Xây dựng và hoàn thiện các tuyến đường TTHC huyện	1951/QĐ-UBND ngày 23/05/2024	20.000	20.000	3.452	Ban quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
262	10.1 Giao thông	Xây dựng kết cấu hạ tầng Trung tâm xã Bù Gia Mập□	14/NQ-HĐND ngày 13/10/2022	40.000	40.000	18.700	Ban quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
263	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH06 (đoạn từ ĐT.760 đến đường 19/5)□	52/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	23.500	23.500	10.160	Ban quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
264	10.1 Giao thông	Xây dựng các hồ chứa nước nhỏ tại xã Bù Gia Mập, Đăk Ô, Đă Kia	02/NQ-HĐND ngày 05/5/2022	20.000	20.000	7.000	Ban quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
265	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Cải tạo, kê bờ Suối Đồi (đoạn từ cầu Suối Đồi đến đường Cao Bá Quát)	132/NQ/HĐND ngày 27/12/2021; 144/NQ/HĐND ngày 26/12/2024	80.000	80.000	45.670	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
266	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường Phùng Hưng, phường Hưng Long	40/NQ/HĐND ngày 25/7/2022; 95/NQ/HĐND ngày 26/12/2022; 36/NQ/HĐND ngày 05/6/2023; 144/NQ/HĐND ngày 26/12/2024	44.100	44.100	5.389	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
267	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Duẩn, thị trấn Chơn Thành	132/NQ-HĐND ngày 27/12/2021; 40/NQ/HĐND ngày 25/7/2022	120.000	120.000	11.607	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
268	10.1 Giao thông	Xây dựng đường từ trung tâm hành chính huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	372.000	372.000	71.482	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Phú
269	10.1 Giao thông	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	340.000	340.000	31.616	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Phú
270	10.1 Giao thông	Xây dựng đường từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	130.000	130.000	21.621	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Phú
271	10.1 Giao thông	Tuyến số 1: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 02): Đầu tuyến giao với ĐT.741 (khoảng Km51+450, ấp 2, xã Tân Lập), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú – Bình Dương (giáp đường trục khu tái định cư khoảng Km35), dài 10,48km; quy mô đầu tư: Chiều dài tuyến 5,6/10,48km, lộ giới 32m (NSH:100%)	08/NQ- HĐND ngày 29/7/2020; 28/NQ- HĐND ngày 16/12/2022; 43/NQ- HĐND ngày 19/12/2024	69.303	69.303	44.003	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú

1	2	3	4	5	6	7	8
272	10.1 Giao thông	Tuyến số 2: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 03): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km53+435), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú – Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km32+600); Quy mô: Chiều dài tuyến 4,2/9,8km, lộ giới 65m	08/NQ- HĐND ngày 29/7/2020; 28/NQ- HĐND ngày 16/12/2022; 43/NQ- HĐND ngày 19/12/2024	46.132	46.132	7.818	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
273	10.1 Giao thông	Tuyến số 4: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 05): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng km60+750), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú – Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km27+600). Quy mô: Chiều dài tuyến 8,2/10,5km, lộ giới 42m	08/NQ- HĐND ngày 29/7/2020; 28/NQ- HĐND ngày 16/12/2022; 43/NQ- HĐND ngày 19/12/2024	61.464	61.464	30.599	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
274	10.1 Giao thông	San lấp mặt bằng QH KDC ấp 4, xã Đồng Tâm	39/NQ- HĐND ngày 23/12/2020; 28/NQ- HĐND ngày 16/12/2022; 43/NQ- HĐND ngày 19/12/2024	2.100	2.100	1.235	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
275	10.1 Giao thông	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	39/NQ- HĐND ngày 23/12/2020; 28/NQ- HĐND ngày 16/12/2022; 43/NQ- HĐND ngày 19/12/2024	48.717	48.717	26.678	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
276	10.1 Giao thông	Xây dựng đường quy hoạch D1 - Khu TTHC xã Tân Lập (đường bên hông Chợ)	59/NQ-HĐND ngày 16/12/2021; 43/NQ- HĐND ngày 19/12/2024	5.500	5.500	4.246	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
277	10.1 Giao thông	Xây dựng đường xuyên tâm Tân Hưng - Tân Lập	30/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	180.000	180.000	94.008	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
278	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông xã Tân Hòa đi xã Tân Lợi	11/NQ-HĐND ngày 26/04/2024	90.000	90.000	12.877	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
279	10.1 Giao thông	Xây dựng đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	80.000	80.000	18.000	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
280	10.1 Giao thông	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 28/QĐ-UBND ngày 19/05/2026	353.000	353.000	207.788	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
281	10.1 Giao thông	Xây dựng đường Trường Chinh (đoạn từ QL14 đến đường vành đai khu Công nghiệp Đồng Xoài III)	3536/QĐ-UBND ngày 21/9/2018	79.800	79.800	33.660	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
282	10.1 Giao thông	Xây dựng đường Phạm Ngọc Thạch, phường Tiến Thành (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường vành đai)	13/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	34.000	34.000	16.370	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
283	10.1 Giao thông	Xây dựng đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường số 31 đến đường Trường Chinh)	Số 146/CV-HĐND ngày 25/10/2021	80.000	80.000	43.220	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
284	10.1 Giao thông	GPMB + xây dựng phần còn lại đường Lê Lợi và các tuyến đường tiếp giáp Công viên Xoài, P. Tân Phú	165/CV-HĐND ngày 24/11/2021	16.000	16.000	13.520	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
285	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng 29 phòng học, phòng học bộ môn, chức năng trường THCS Tân Phú	10/NQ-HĐND ngày 29/04/2024	30.000	30.000	15.300	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
286	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng 07 phòng học, trang thiết bị, hệ thống PCCC và sửa chữa Trường MN Hoa Hồng	35/NQ-HĐND ngày 14/10/2024	15.000	15.000	8.500	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
287	5. Y tế, dân số và gia đình	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị Trung tâm Y tế thành phố Đồng Xoài	35/NQ-HĐND ngày 14/10/2024	15.000	15.000	9.500	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
288	4. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Lắp đặt đèn trang trí, led, màn hình một số tuyến đường trục chính trên địa bàn thành phố	35/NQ-HĐND ngày 14/10/2024	15.000	15.000	4.000	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
289	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi ngoài trời, thiết bị dạy học các trường	35/NĐ-CP ngày 14/10/2024	25.000	25.000	11.970	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
290	10.1 Giao thông	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	180.000	180.000	148.940	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
291	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	270.000	270.000	122.489	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
292	10.1 Giao thông	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	110.000	110.000	32.391	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
293	10.1 Giao thông	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	100.000	100.000	51.700	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
294	10.1 Giao thông	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	60.000	60.000	14.579	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
295	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2021	30.000	30.000	5.341	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
296	10.1 Giao thông	Nâng cấp, xây dựng đường và cầu Bù Dinh – Thanh Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	85.000	85.000	15.000	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
297	10.1 Giao thông	Xây dựng đường từ Trung tâm xã An Phú kết nối với đường phía Tây Quốc lộ 13 (hướng đi cụm công nghiệp Đại Tân).	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	60.000	60.000	31.655	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
298	10.1 Giao thông	Xây Dựng Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn Từ Đông Tây 7 Đến Đông Tây 10)	1296/QĐ-UBND ngày 04/10/2022	44.000	44.000	5.000	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
299	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	XD các hạng mục phụ trợ Trường MN Minh Đức	528/QĐ-UBND ngày 27/03/2025	6.500	6.500	4.263	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
300	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	XD 06 phòng học + sửa chữa khối hiệu bộ và các khối phòng học cũ Trường MN Tân Hưng	33/NQ-HĐND ngày 13/12/2024	11.300	11.300	7.800	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
301	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	XD 16 phòng học bộ môn Trường TH Tân Hưng A	33/NQ-HĐND ngày 13/12/2024	23.000	23.000	13.000	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
302	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	XD 14 phòng học, bộ môn Trường TH Đồng Nơ	33/NQ-HĐND ngày 13/12/2024	19.000	19.000	10.621	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
303	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	XD 08 phòng học trường MN Thanh An	23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	13.000	13.000	4.000	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản

1	2	3	4	5	6	7	8
304	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng 08 phòng học + 08 phòng chức năng, bộ môn Trường Tiểu học Tân Khai B, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	23.400	23.400	7.000	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
305	10.1 Giao thông	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	256/HĐND-KT ngày 23/10/2018	245.000	245.000	54.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
306	10.1 Giao thông	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Ché Biền đi cầu Đò, xã Lộc Diên)	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	150.000	15.000	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
307	10.1 Giao thông	Cải tạo suối chống hạn (đoạn từ chân đập nước Lộc Tấn đến cầu Ché Biền), huyện Lộc Ninh	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	100.000	100.000	79.769	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
308	10.1 Giao thông	Xây dựng đường liên xã Lộc Thuận – Lộc Hiệp – Lộc Quang kết nối đường ĐT.756 và ĐT.759B	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	100.000	100.000	79.570	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
309	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng 02 phòng khối HCQT, 06 phòng khối học tập, 02 phòng khối phụ trợ học tập, 03 phòng khối phụ trợ, nhà tập thể dục thể thao có mái che, nhà xe giáo viên và học sinh Trường tiểu học và trung học cơ sở Lộc Thuận	13/NQ-HĐND ngày 29/7/2024	19.100	19.100	7.308	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
310	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường Nguyễn Huệ thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	7144/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	13.000	13.000	12.621	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
311	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng 10 phòng học chức năng và nhà tập đa năng Trường tiểu học thị trấn Lộc Ninh B	05/NQ-UBND ngày 03/4/2023	14.900	14.900	10.040	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
312	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng hàng rào, sân bê tông và một số công trình phụ trợ khác Trường Tiểu học thị trấn Lộc Ninh B	05/NQ-UBND ngày 02/5/2024	6.000	6.000	3.380	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
313	10.1 Giao thông	Xây dựng cầu và đường tổ 11, ấp Tân Lợi, xã Lộc Phú	329/QĐ-UBND ngày 04/02/2025	15.000	15.000	2.996	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
314	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng 17 phòng khối học tập, 03 phòng khối hỗ trợ học sinh, 04 phòng khối phụ trợ, 02 phòng khối HCQT; nhà đa năng và các công trình phụ trợ (điểm chính); Xây dựng 01 phòng khối học tập, 01 phòng giáo viên, nhà xe học sinh, cổng, hàng rào, sân bê tông, giếng khoan và một số hạng mục khác (điểm Tà Thiết) Trường tiểu học và trung học cơ sở Lộc Thịnh	13/NQ-HĐND ngày 29/7/2024	39.000	39.000	23.288	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
315	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng Trường Mẫu giáo Hoa Cúc (Lộc Tấn)	18/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	30.000	30.000	20.800	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
316	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng 08 phòng khối học tập, 04 phòng khối hỗ trợ học sinh, 06 phòng khối phụ trợ, 04 phòng khối HCQT và các công trình phụ trợ Trường TH&THCS Lộc Thạnh	13/NQ-HĐND ngày 29/7/2024	23.500	23.500	9.419	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
317	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng 04 phòng học, 02 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật; phòng thư viện; nhà kho; nhà bếp và các công trình phụ trợ Trường mẫu giáo Măng Non xã Lộc Diên.	38/NQ-HĐND ngày 20/12/2024	13.300	13.300	6.800	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
318	10.1 Giao thông	Xây dựng Kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản).	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	90.000	90.000	17.642	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
319	10.1 Giao thông	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	18/NQ-HĐND ngày 12/7/2021	120.000	120.000	14.000	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
320	10.1 Giao thông	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	85.000	85.000	40.000	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
321	10.1 Giao thông	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua trung tâm hành chính huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	100.000	100.000	54.000	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
322	10.1 Giao thông	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	18/NQ-HĐND ngày 12/7/2021	50.000	50.000	7.000	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
323	10.1 Giao thông	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân, huyện Phú Riềng.	355/QĐ-UBND ngày 8/3/2022	30.000	30.000	4.700	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
324	10.1 Giao thông	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, via hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	2122/QĐ-UBND ngày 9/8/2022;	40.000	40.000	25.000	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
325	10.1 Giao thông	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, via hè khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	51/NQ-HĐND ngày 22/3/2023;	39.000	39.000	6.176	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
326	10.1 Giao thông	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, via hè đường Tân Phú 1 (từ ĐT 741 - TBTH) TTHC huyện Phú Riềng	2814/QĐ-UBND ngày 19/9/2019;	14.900	14.900	7.200	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
327	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Xây dựng hệ thống via hè, hạ tầng kỹ thuật và san lấp mặt bằng khu dân cư Phú Riềng (13,9 ha)	56/NQ-HĐND ngày 22/3/2023	20.500	20.500	3.500	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
328	10.1 Giao thông	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 2)	50/NQ-HĐND ngày 22/3/2023;	40.000	40.000	7.165	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
329	10.1 Giao thông	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 4)	221/NQ-HĐND ngày 25/12/2023	40.000	40.000	18.800	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
330	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối xã Đa Kía (Suối Cát giáp ranh với huyện Bù Gia Mập) với xã Long Hưng, Long Bình huyện Phú Riềng	65/NQ-HĐND ngày 22/7/2024	25.000	25.000	4.239	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
331	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường giao thông thôn 7, xã Long Tân từ km0+600 đường Long Tân-Tân Hưng Hớn Quản kết nối với ĐT758	171/NQ-HĐND ngày 23/12/2024	23.500	23.500	120	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
332	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường thôn Phu Mang 1 và kết nối với đường dọc Sông Bé - xã Long Hà	168/NQ-HĐND ngày 23/12/2024;	28.500	28.500	150	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
333	10.1 Giao thông	Nâng cấp láng nhựa đường dọc sông Bé đoạn từ Long Tân đi Long Hà	73/NQ-HĐND ngày 22/7/2024; 597/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	18.000	18.000	5.000	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
334	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường kết nối ĐT 757 với đường từ xã Đakia huyện Bù Gia Mập về xã Long Hưng, Long Bình huyện Phú Riềng	167/NQ-HĐND ngày 23/12/2024;	14.500	14.500	5.300	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
335	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường từ trung tâm xã Long Bình đi xã Đakia, Bù Gia Mập (đoạn ĐT.757b - tuyến Long Hưng - Long Bình)	71/NQ-HĐND ngày 23/12/2024;	23.000	23.000	9.500	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
336	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng cải tạo, sửa chữa Trường THPT Phú Riềng (cũ) – Giai đoạn 1	1137/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	15.500	15.500	7.500	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
337	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường ĐH.312 thuộc xã Phú Riềng (Đoạn từ ĐT.741 đi về hướng xã Long Tân)	1046/QĐ-UBND ngày 11/4/2025;	19.500	19.500	2.500	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng

1	2	3	4	5	6	7	8
338	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường dọc suối Dền, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng	1047/QĐ-UBND ngày 11/4/2025;	19.900	19.900	6.500	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
339	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Xây dựng công viên quảng trường trung tâm huyện Phú Riềng	2130/QĐ-UBND ngày 19/8/2022; 69/NQ-HĐND ngày 22/7/2024	58.000	58.000	40.500	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
340	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường N3a (từ ĐT.741 - TBTH), xã Bù Nho (chỉ phí bồi thường GPMB)	225/NQ-HĐND ngày 25/12/2023	17.800	17.800	17.750	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
341	10.1 Giao thông	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	50.000	50.000	15.500	Ban quản lý dự án khu vực Phước Long
342	10.1 Giao thông	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	60.000	60.000	11.000	Ban quản lý dự án khu vực Phước Long
343	10.1 Giao thông	Xây dựng đường từ ĐT.759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	60.000	60.000	9.800	Ban quản lý dự án khu vực Phước Long
344	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Đầu tư hạ tầng, san lấp mặt bằng Nghĩa Trang Nhân dân thị xã Phước Long xã Long Giang	14/NQ-HĐND ngày 28/7/2023	23.000	23.000	4.500	Ban quản lý dự án khu vực Phước Long
345	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến thôn 7 xã Long Giang)	14/NQ-HĐND ngày 28/7/2023	52.000	52.000	7.600	Ban quản lý dự án khu vực Phước Long
346	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng mặt đường Mạc Đăng Dung (nối đường ĐT 759 từ thôn Phước Yên đi xã Phước Tân - huyện Phú Riềng	15/NQ-HĐND ngày 30/7/2024	19.000	19.000	2.600	Ban quản lý dự án khu vực Phước Long
347	10.1 Giao thông	Xây dựng trường Mẫu giáo Sao Sáng	14/NQ-HĐND ngày 28/7/2023	20.500	20.500	10.800	Ban quản lý dự án khu vực Phước Long
348	10.1 Giao thông	Đầu tư xây dựng vỉa hè và hệ thống chiếu sáng đường Lê Trọng Tấn, khu phố Phước An, Phường Phước Bình	15/NQ-HĐND ngày 30/7/2024	10.500	10.500	6.100	Ban quản lý dự án khu vực Phước Long
349	10.1 Giao thông	Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT 759)	46/NQ-HĐND ngày 23/12/2021	99.000	99.000	78.500	Ban quản lý dự án khu vực Phước Long
350	1. Quốc phòng	Dự án V1	1107/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	536.700	536.700	200.000	Bộ chỉ huy quân sự thành phố
351	1. Quốc phòng	Dự án Sớ Chỉ huy thống nhất tỉnh Bình Phước - giai đoạn 1	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 33/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	50.000	50.000	50.000	Bộ chỉ huy quân sự thành phố
352	1. Quốc phòng	Dự án SCH	01/NQ-HĐND 19/01/2024	170.200	170.200	7.800	Bộ chỉ huy quân sự thành phố
353	2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội	Dự án đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021-2025	2912/QĐ-UBND ngày 25/08/2021	988.000	988.000	435.541	Công an thành phố
354	2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội	Xây dựng cơ sở làm việc của lực lượng Cảnh sát giao thông đường thủy thuộc Công an tỉnh	3694/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	59.385	59.385	1.264	Công an thành phố
355	10.3 Công nghệ Thông tin	Dự án Xây dựng Trung tâm điều hành tác chiến quản lý an ninh trật tự	3462/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	796.921	796.921	147.651	Công an thành phố
356	10.3 Công nghệ Thông tin	Dự án đầu tư hệ thống bộ đàm kỹ thuật số trên phạm vi toàn tỉnh	164/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	29.976	29.976	12.500	Công an thành phố
357	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc	2879/QĐ-UBND ngày 14/8/2020; 2883/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	89.774	89.774	37.000	Công ty TNHH MTV thủy lợi Đồng Nai
358	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Sông Mây, huyện Trảng Bom	2882/QĐ-UBND ngày 14/8/2020	59.770	59.770	4.200	Công ty TNHH MTV thủy lợi Đồng Nai
359	10.12 Quy hoạch	Lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050				12.640	Sở Tài chính
360	10.3 Công nghệ thông tin	Dự án Xây dựng phần mềm quản lý đầu tư công và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	1185/QĐ8-UBND ngày 24/5/2023	17.446	17.446	5.149	Sở Tài chính
361	13. Dự án khác	Bổ trí vốn trả nợ Khoản vay ODA đối với dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vay vốn ADB – Tiểu dự án Bình Phước;				42.850	Sở Tài chính
362	13. Dự án khác	Bổ trí vốn trả nợ: Hoàn trả vốn vay ngân hàng thương mại)				690.065	Sở Tài chính
363	10.1 Giao thông	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư , giải phóng mặt bằng đường ven sông Cối đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn, thành phố Biên Hòa	2611/QĐ-UBT ngày 28/7/2020	3.247.000	3.247.000	30.000	Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Biên Hòa
364	10.1 Giao thông	Dự án bồi thường, GPMB công trình xây dựng đường Lê Đại Hành nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản.	2144/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	92.412	92.412	25.000	Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Bình Long
365	10.1 Giao thông	Dự án bồi thường, GPMB công trình nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản.	2733/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	112.812	112.812	9.000	Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Bình Long
366	10.1 Giao thông	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện đường Xuân Quế đi Long Khánh, đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ (phần bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa giới huyện Cẩm Mỹ cũ)				18.000	Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Cẩm Mỹ
367	10.1 Giao thông	Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng đường 25C đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1) huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch, đoạn qua huyện Nhơn Trạch	2327/QĐ-UBND ngày 30/06/2025	704.533	704.533	58.854	Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch
368	10.1 Giao thông	Dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai	57/2002/QH15 ngày 16/06/2022	75.378.000	36.637.000	11.500	Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch
369	10.1 Giao thông	Dự án Khu tái định cư tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa	1914/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	717.500	717.500	313.091	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố
370	10.1 Giao thông	Dự án Khu tái định cư tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất (bao gồm hoàn trả vốn ứng trước)	945/QĐ-UBND ngày 05/5/2023	564.052	564.052	474.055	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố
371	10.1 Giao thông	Dự án Xây dựng Hạ tầng Khu tái định cư 49,32ha tại phường Phước Tân	912/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	1.127.520	1.127.520	733.147	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố

1	2	3	4	5	6	7	8
372	10.1 Giao thông	Dự án Bồi thường, hỗ trợ tái định cư Hạ tầng Khu tái định cư 49,32ha phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa	1913/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	1.719.649	1.719.649	184.872	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố
373	10.1 Giao thông	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và Long Thành	5356/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	3.096.521	3.096.521	1.035.819	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố
374	10.1 Giao thông	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành	17/QĐ-UBND ngày 04/01/2022	1.709.548	1.709.548	1.188.292	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố
375	10.1 Giao thông	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng xây dựng đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh	18/QĐ-UBND ngày 04/01/2022	3338663	3338663	1.392.732	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố
376	10.1 Giao thông	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 1 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu giai đoạn 1, đoạn qua thành phố Biên Hòa	233/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	1.785.467	1.118.025	86.040	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố
377	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 7-tổ 9, ấp Hiếu Cẩm, thị trấn Chơn Thành	08/NQ-HĐND ngày 25/11/2022; 53/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	49.000	49.000	20.138	UBND phường Chơn Thành
378	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường liên khu phố 4 - Khu phố 8, phường Hưng Long	09/NQ-HĐND ngày 25/11/2022	60.000	60.000	18.170	UBND phường Chơn Thành
379	10.1 Giao thông	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	144/NQ-HĐND ngày 26/12/2024	160.000	160.000	159.560	UBND phường Chơn Thành
380	6.2 Văn hóa	Xây dựng Nhà văn hóa ấp An Lâm, xã Long An	3797/QĐ-UBND ngày 30/05/2024	4.609	4.609	253	UBND Phường Long Thành
381	6.2 Văn hóa	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Hàng Gòn xã Lộc An	5549QĐ-UBND ngày 27/6/2024	4.375	4.375	836	UBND Phường Long Thành
382	10.2 Cấp nước, thoát nước	Mở rộng hệ thống cấp nước trên địa bàn xã Long An	9833/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	8.205	8.205	1.525	UBND Phường Long Thành
383	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Cải tạo nhà làm việc trụ sở UBND xã Thạnh Phú	3531/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	2271	2271	1.123	UBND phường Tân Triều
384	10.1 Giao thông	Cầu Suối Lớn, ấp Hòa Thuận xã Ngọc Định	775/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	3.589	3.589	2.850	UBND Xã Định Quán
385	10.1 Giao thông	Cầu Suối Nhỏ ấp Hòa Thành xã Ngọc Định	776/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	3.572	3.572	2.350	UBND Xã Định Quán
386	10.1 Giao thông	Đầu tư đường nội đồng vùng sản xuất lúa ấp 2 đi ấp 4	4506/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	6.270,95	6.270,95	4.360	UBND Xã Tà Lài
387	9.1 Môi trường	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Trị An	2544/QĐ-UBND ngày 06/8/2025	1856	1856	1.200	UBND Phường Trị An
388	10.3 Công nghệ thông tin	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Đồng Nai	165/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	20.000	20.000	8.500	Văn phòng Thành ủy
1.2	Danh mục dự án thực hiện trong giai đoạn 2026-2030						
1	10.3 Công nghệ Thông tin	Dự án Xây dựng Cơ sở dữ liệu Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai	3035/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	15.000	15.000	14.375	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố
2	10.3 Công nghệ Thông tin	Dự án Nâng cấp và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin của Ban Quản lý các Khu công nghiệp phục vụ chuyển đổi số	2181/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	4.446	4.446	4.249	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố
3	5. Y tế, dân số và gia đình	Dự án Trụ sở Kiểm dịch Y tế quốc tế tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành	1353/QĐ-UBND ngày 19/9/2025	161.000	161.000	151.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
4	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án xây dựng kiên cố hóa đoạn từ lý trình Km6+692 đến lý trình Km8+592 tuyến kênh T0 và đoạn từ lý trình Km0+108 đến lý trình Km1+077 tuyến kênh T2 suối Nước Trong, huyện Long Thành.	03/NQ-HĐND ngày 19/01/2024	150.000	150.000	146.479	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
5	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án Bờ bao ngăn lũ sông La Ngà, huyện Tân Phú (bao gồm hoàn trả vốn ứng trước)	20/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 và số 21/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	207.561	207.561	187.306	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
6	10.1 Giao thông	Nâng cấp mở rộng đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và Long Thành (bao gồm hoàn trả vốn ứng trước)	36/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; 5344/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	6.256.300	6.256.300	2.787.019	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
7	10.1 Giao thông	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành	36/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; 5344/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	4.311.410	4.311.410	2.542.760	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
8	10.1 Giao thông	Dự án thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom đường bên trên qua địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư)	220/2025/QH15 ngày 27/6/2025	10.049.000		3.900.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
9	10.1 Giao thông	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng đoạn từ ngã ba Bà Hào đến đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh (thuộc dự án Xây dựng tuyến đường kết nối từ cầu Mã Đà đến đường Vành Đai 4 thành phố Hồ Chí Minh)	28/NQ-HĐND ngày 28/4/2026	28.792.957	28.792.957	9.975.666	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
10	10.1 Giao thông	Dự án Xây dựng đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh	36/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	4.702.000	4.702.000	4.197.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
11	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án chống sạt lở tại khu vực dải tường niếm các chiến sỹ đặc công 113	49/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	37.800	37.800	31.679	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
12	10.1 Giao thông	Xây dựng đường 25C đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường Liên Cảng, huyện Nhơn Trạch	2324/QĐ UBND ngày 30/6/2025	1.948.341	1.948.341	1.769.433	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
13	10.1 Giao thông	Dự án Xây dựng đường ĐT.769E (đoạn từ Cảng hàng không quốc tế Long Thành đến đường ĐT.770B)	68/NQ-HĐND ngày 20/12/2024	1.406.351	1.406.351	1.286.651	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố

1	2	3	4	5	6	7	8
14	6.2 Văn hóa	Dự án xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong tại Công viên văn hóa Sông Ray	1985/QĐ-UBND ngày 17/8/2023	19.840	19.840	19.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
15	12. Xã hội	Dự án Nhà ở cho thuê Long Bình, thành phố Đồng Nai	683/QĐ-UBND ngày 09/6/2026	1.361.331	1.361.331	1.361.331	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
16	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu- Thành phần tỉnh Bình Phước	631/QĐ-TTg ngày 20/5/2022	587.139	390.745	185.194	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
17	10.1 Giao thông	Dự án thành phần 2-2: xây dựng đường cao tốc đoạn từ cầu Châu Đức đến cầu Thủ Biên (bao gồm cầu Thủ Biên) thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh	220/2025/QH15 ngày 27/6/2025	4.062.000	4.062.000	4.062.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
18	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng mới Trường Trung học cơ sở Dương Văn Thi	981/QĐ-UBND ngày 23/3/2026	136.001	136.001	122.400	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
19	10.1 Giao thông	Dự án thành phần 1: Bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng đường nối + các cầu trên tuyến đường từ tiếp giáp cầu dẫn cầu Long Hưng (cầu Đồng Nai 2) phía Đồng Nai đến cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu (thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu Long Hưng (cầu Đồng Nai 2) theo phương thức đối tác công tư)	55/NQ-HĐND ngày 10/12/2025; 07/NQ-HĐND ngày 11/6/2026	12.747.990		4.290.480	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
20	10.1 Giao thông	Dự án thành phần 1: Bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng đường kết nối + các cầu trên tuyến đường từ tiếp giáp cầu dẫn cầu Cát Lái phía Đồng Nai đến cao tốc Bến Lức - Long Thành (thuộc dự án Dự án Đầu tư xây dựng cầu Cát Lái theo phương thức đối tác công tư)	54/NQ-HĐND ngày 10/12/2025; 08/NQ-HĐND ngày 11/6/2026	24.003.744		9.076.591	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
21	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Xây dựng nhà làm việc và nhà ở cho các lực lượng chức năng tại các cửa khẩu và lối mở biên giới	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	80.000	80.000	72.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
22	10.1 Giao thông	Xây dựng hầm chui qua cầu Hóa An để nối đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị, thành phố Biên Hòa	27/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	310.000	310.000	300.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
23	10.1 Giao thông	Xây dựng, cải tạo một số tuyến đường đảm bảo tổ chức giao thông tại vị trí giao cắt giữa đường ven sông cái với đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	27/NQ-HĐND ngày 22/9/2022	187.507	187.507	100.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
24	13. Dự án khác	Xây dựng hạ tầng khu dân cư và tái định cư phường Trảng Dài	68/NQ-HĐND ngày 20/12/2022	154.037	154.037	100.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
25	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng, cải tạo Trường tiểu học Nguyễn Tri Phương	4244/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	23.152	23.152	500	Ban Quản lý dự án khu vực 01
26	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng, cải tạo Trường tiểu học Phan Chu Trinh	4247/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	21.018	21.018	20.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
27	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng, cải tạo Trường THCS Hoàng Diệu	4246/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	44.484	44.484	500	Ban Quản lý dự án khu vực 01
28	13. Dự án khác	Hạ tầng Khu dân cư, thương mại và tái định cư 6,3ha phường Bửu Long	96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	383.822	383.822	500	Ban Quản lý dự án khu vực 01
29	13. Dự án khác	Hạ tầng Khu tái định cư 7,4ha phường Bửu Long	96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	242.524	242.524	200	Ban Quản lý dự án khu vực 01
30	13. Dự án khác	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư 2 tại phường Tân Hiệp	19/NQ-HĐND ngày 03/8/2021	29.367	29.367	28.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
31	13. Dự án khác	Khu tái định cư tại xã Cây Gáo	27NQ-HĐND ngày 16/12/2022	223.245	223.245	223.245	Ban Quản lý dự án khu vực 03
32	13. Dự án khác	Khu tái định cư tại xã Đồng Hòa	6617/QĐ-UBND ngày 25/7/2022	579.556	579.556	579.556	Ban Quản lý dự án khu vực 03
33	10.1 Giao thông	Nâng cấp tuyến đường Bờ Đê (xã An Viễn, xã Bình An)	1395/QĐ-UBND ngày 8/4/2026	47.947	47.947	47.947	Ban Quản lý dự án khu vực 03
34	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Nguyễn Huệ, hạng mục: Mở rộng diện tích đất và xây dựng hồ bơi	1838/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	10.808	10.808	5.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
35	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Hạ tầng Khu dân cư phục vụ tái định cư xã Hưng Lộc	2987/QĐ-UBND 30/6/2025	161.160	161.160	100.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
36	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường TH Phan Bội Châu hạng mục Xây mới và mở rộng nhà đa năng	121/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	10.022	10.022	10.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
37	10.1 Giao thông	Đường vào trường THCS Lý Tự Trọng (đoạn ra đường DT 769)	2571/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	11267	11267	10.000	Ban quản lý dự án khu vực 04
38	10.1 Giao thông	Dự án Đường Vũ Hồng Phô (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường DT.769), thị trấn Long Thành, huyện Long Thành (02 khu đất khoảng 23,5ha trên địa bàn huyện)	4829/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	376.393	376.393	305.961	Ban quản lý dự án khu vực 05
39	10.1 Giao thông	Đường Phước Bình-Bầu Cạn-Cẩm Đường (NST 100%) (bao gồm hoàn trả vốn ứng trước)	2303/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	479.923	479.923	413.230	Ban quản lý dự án khu vực 05
40	10.1 Giao thông	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu giai đoạn 1 (50% vốn TW + 50% vốn tỉnh)				194.844	Ban quản lý dự án khu vực 05
41	10.1 Giao thông	Xây dựng tuyến đường QH1 (đoạn 1 và đoạn 3) tại xã An Phước, xã Long Đức	2598/QĐ-UBND ngày 06/06/2025	92.597	92.597	92.214	Ban quản lý dự án khu vực 05
42	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường Tiểu học Phú Đông	3702/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	38.000	38.000	35.000	Ban quản lý dự án khu vực 06
43	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường Mầm non Phú Đông	3698/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	31.882	31.882	28.000	Ban quản lý dự án khu vực 06
44	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường Tiểu học Long Thọ 3	3798/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	100.214	100.214	100.000	Ban quản lý dự án khu vực 06
45	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường THCS Long Thọ 3	3799/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	103.705	103.705	100.000	Ban quản lý dự án khu vực 06
46	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Mở rộng Trường Mầm non Phú Đông huyện Nhơn Trạch	2208/QĐ-UBND ngày 25/6/2021	18.860	18.860	16.000	Ban quản lý dự án khu vực 06
47	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường mẫu giáo Phước Thiện (cơ sở 1)	1073/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	24.136	24.136	20.000	Ban quản lý dự án khu vực 06
48	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Hạ tầng TDC Vĩnh Thanh	784/QĐ-UBND ngày 09/03/2021	489.788	489.788	400.000	Ban quản lý dự án khu vực 06

1	2	3	4	5	6	7	8
49	13. Dự án khác	Khu Tái định cư xã Xuân Hiệp	3011/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	706.322	706.322	635.600	Ban quản lý dự án khu vực 07
50	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	6100/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	14.000	14.000	12.600	Ban quản lý dự án khu vực 07
51	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	6110/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	14.500	14.500	13.000	Ban quản lý dự án khu vực 07
52	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Quang Trung	6112/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	14.000	14.000	12.600	Ban quản lý dự án khu vực 07
53	10.1 Giao thông	Đường Thừa Đức đi Long Khánh tỉnh Đồng Nai	1915/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	1.453.276	1.453.276	1.200.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
54	5. Y tế, dân số và gia đình	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bảo Bình	1975/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	13.340	13.340	12.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
55	5. Y tế, dân số và gia đình	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Đông	1184/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	4.050	4.050	3.500	Ban quản lý dự án khu vực 08
56	13. Dự án khác	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư xã Nhân Nghĩa	90/QĐ-UBND ngày 04/02/2025	67.296	67.296	60.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
57	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây mới trường mầm non Xuân Tây	946/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	78.967	78.967	65.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
58	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây mới trường mầm non Tuổi Thơ	19/NQ-HĐND ngày 20/10/2023	65.833	65.833	50.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
59	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nguyễn Trãi	221/QĐ-UBND ngày 03/03/2023	35.097	35.097	30.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
60	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây mới bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Mỹ Hạnh	218/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	29.661	29.661	20.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
61	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây mới bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Thừa Đức 2	224/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	34.454	34.454	25.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
62	6.2 Văn hóa	Nhà lưu niệm tình ủy lâm thời thành phố Biên Hòa tại xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu	1260/QĐ-UBND ngày 4/5/2024	24.167	24.167	23.000	Ban quản lý dự án khu vực 09
63	12. Xã hội	Cải tạo núi đá công viên, sửa chữa nhà quản trang nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Cửu	11107/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	8.224	8.224	7.500	Ban quản lý dự án khu vực 09
64	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng mới trường THCS Tân Bình	581/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	90.750	90.750	3.000	Ban quản lý dự án khu vực 09
65	10.2 Cấp nước, thoát nước	Mở rộng đường ống cấp nước tập trung cho xã Phú Tân	2547/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	12.569	12.569	11.500	Ban quản lý dự án khu vực 10
66	13. Dự án khác	Khu tái định cư xã Phú Túc	14/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	91.215	91.215	89.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
67	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường trung cơ sở Suối Nho	14/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	144.272	144.272	140.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
68	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Huỳnh Văn Nghệ	04/NQ-HĐND ngày 25/05/2022	96.256	96.256	95.000	Ban quản lý dự án khu vực 10
69	5. Y tế, dân số và gia đình	Xây dựng mới Trạm y tế xã Phú An, huyện Tân Phú	82/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	13.240	13.240	12.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
70	5. Y tế, dân số và gia đình	Nâng cấp, mở rộng Trạm y tế xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú	83/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	9.410	9.410	8.500	Ban quản lý dự án khu vực 11
71	10.1 Giao thông	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) – Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công tư (PPP), đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 10/11/2022 và UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt dự án tại Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 05/6/2025, trong đó: - Tiểu dự án 1 (qua địa bàn huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, giá trị khoảng 419,585 tỷ đồng) do UBND tỉnh Đồng Nai tổ chức thực hiện				335.668	Ban quản lý dự án khu vực 11
72	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Mở rộng trường tiểu học Phú Trung	2633/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	26.418	26.418	22.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
73	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp điểm trường chính - Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	2489/QĐ-UBND ngày 15/6/2024	22.930	22.930	20.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
74	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng Cơ sở 2 Trường Tiểu học Phú Thanh	1711/QĐ-UBND ngày 08/4/2024	27.278	27.278	14.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
75	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Mở rộng trường Tiểu học Phạm Văn Đồng	1296/QĐ-UBND ngày 24/4/2024	24.394	24.394	22.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
76	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp trường THCS Phú Lâm	987/QĐ-UBND ngày 31/03/2022	34.685	34.685	31.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
77	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp trường tiểu học Phú Lâm	1393/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	22.036	22.036	20.000	Ban quản lý dự án khu vực 11
78	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường Tiểu học Minh Hưng A	86/NQ-HĐND ngày 31/7/2024	10.000	10.000	9.885	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
79	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng Trường trung học cơ sở Thành Tâm	22/NQ-HĐND ngày 11/3/2024	100.000	100.000	90.200	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
80	6.2 Văn hóa	Cải tạo, sửa chữa Đài tưởng niệm liệt sĩ thị xã	22/NQ-HĐND ngày 11/3/2024	25.000	25.000	24.930	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
81	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Khu dân cư Nhà máy nước xã Đồng Phú (thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú)	118/KH-UBND ngày 03/10/2025	23.000	23.000	23.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
82	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Cải tạo, nâng cấp, đầu tư mới hệ thống tiêu thoát nước chống ngập trên địa bàn thành phố	33/NQ-HĐND ngày 25/8/2023	12.500	12.500	11.470	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
83	10.1 Giao thông	GPMB+Xây dựng đường Nguyễn Văn Trỗi (QH34) đoạn từ QL14 đến TTHC phường Tân Thiện	13/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	185.000	185.000	175.750	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
84	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường Mẫu giáo Lộc Thái	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2021	20.000	20.000	20.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
85	10.1 Giao thông	Xây dựng đường kết nối 2 khu công nghiệp Long Tân - Long Hà	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	40.000,00	40.000,00	40.000	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
86	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng trường Mầm non phục vụ khu công nghiệp Long Hà	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	35.000,00	35.000,00	35.000	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng

1	2	3	4	5	6	7	8
87	1. Quốc phòng	Dự án: Xây dựng Chốt dân quân chiến đấu Minh Tâm	10/NQ-HĐND ngày 20/4/2023; 31/NQ-HĐND ngày 13/12/2024	4.900	4.900	4.900	Bộ chỉ huy quân sự thành phố
88	1. Quốc phòng	Dự án: Xây dựng Chốt dân quân chiến đấu An Phú	10/NQ-HĐND ngày 20/4/2023; 31/NQ-HĐND ngày 13/12/2024	2.600	2.600	2.600	Bộ chỉ huy quân sự thành phố
89	1. Quốc phòng	Dự án: Trường bắn, Thao trường huấn luyện Bộ CHQS tỉnh Đồng Nai	30/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	287.141	287.141	287.141	Bộ chỉ huy quân sự thành phố
90	2.An ninh và trật tự, an toàn xã hội	Dự án Trại tạm giam số 1 thuộc Công an tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 1)	70/NQ-HĐND ngày 20/12/2024	208.610	208.610	205.610	Công an thành phố
91	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án xây dựng mới đập dâng Long An, huyện Long Thành	4943/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	43.550,00	43.550,00	40.578	Công ty TNHH MTV thủy lợi Đồng Nai
92	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị quan trắc và cảm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ an toàn đập, hồ chứa nước Bà Hào	2181/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	4.446	4.446	4.231	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
93	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường vào di tích Trung ương cục Miền Nam	3096/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	65.793	65.793	64.944	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
94	10.1 Giao thông	Dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đầu tư xây dựng cầu Mã Đà	283/QĐ-UBND ngày 02/7/2025	3.787	3.787	3.787	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố
95	10.1 Giao thông	Dự án Thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đường Hương lộ 2 đoạn từ Quốc lộ 51 đến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây	2929/QĐ-UBND ngày 01/12/2025	1.204.484	1.204.484	135.000	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố
96	10.1 Giao thông	Dự án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng Dự án tuyến Metro Bến Thành - Suối Tiên đến Trung tâm hành chính tỉnh Đồng Nai và Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Luật đường sắt quy định không phải duyệt chủ trương đầu tư	1.502.703	1.502.703	1.462.632	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố
97	10.1 Giao thông	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án Tuyến đường sắt Thủ Thiêm – Long Thành (đoạn trên địa phận thành phố Đồng Nai)	Luật đường sắt quy định không phải duyệt chủ trương đầu tư			1.821.000	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố
98	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng mới 28 phòng học, 08 phòng bộ môn; Nâng cấp, cải tạo 08 phòng học thành 04 phòng bộ môn trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lương Thế Vinh, phường chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	834/QĐ-UBND ngày 06/3/2026	60.000	60.000	60.000	UBND phường Chơn Thành
99	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng phòng học và phòng chức năng, các công trình phụ trợ Trường THCS thị trấn Lộc Ninh	1342/QĐ-UBND ngày 02/7/2026	80.000	80.000	80.000	UBND phường Lộc Ninh
100	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai	34/QĐ-VKSTC ngày 14/4/2026	457.475	411.728	411.728	Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai
101	6.2 Văn hóa	Trung tâm văn hóa thể thao và học tập cộng đồng phường Bửu Hoà	2173/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	10.000	8.000	1.967	UBND phường Biên Hòa
II		Danh mục dự án dự kiến có sử dụng vốn trung ương				7.900.000	Cơ quan được cấp có thẩm quyền giao làm chủ đầu tư
1	10.1 Giao thông	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Bùi Văn Hòa, thành phố Biên Hòa		5.979.339	5.000.000		
2	10.1 Giao thông	Dự án Tuyến đường Vành đai 3 kéo dài (đoạn từ đường Cao tốc Bến Lức – Long Thành đến đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo) – giai đoạn 1		1.427.150	1.280.000		
3	10.1 Giao thông	Dự án Đường vành đai 1 (tuyến tránh thành phố Đồng Xoài)		800.000	720.000		
4	10.1 Giao thông	Dự án Nâng cấp, mở rộng ĐT 759 đoạn giao Quốc lộ 14 (Bù Na)-giao ĐT 759B (ngã ba Thanh Hòa)		1.000.000	900.000		
III		Danh mục dự án giản, hoãn (sẽ tiếp tục bổ trí vốn thực hiện khi đảm bảo khả năng cân đối nguồn vốn)					
1	10.2 Cấp nước, thoát nước	Tuyển thu gom về trạm xử lý số 1, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa (bao gồm hoàn trả vốn ứng trước)	158/2019/NQ-HĐND 12/7/2019	99.570	99.570	1.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
2	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường Xuân Bắc - Thanh Sơn đoạn từ Km2+100 đến Km18+100 và đoạn Km33+783 (cầu số 2) đến Km 54+183, huyện Xuân Lộc, huyện Định Quán và huyện Vĩnh Cửu	27/NQ-HĐND ngày 4/12/2020; 522/QĐ-UBND ngày 8/2/2021	935.910	935.910	0	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
3	10.9 Khu công nghiệp và khu kinh tế	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	18/NQ-HĐND ngày 2/7/2021	300.000	300.000	0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
4	10.1 Giao thông	Xây dựng đường nối Đường vòng quanh Hồ Phước Hòa với khu công nghiệp Đồng Xoài I	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021	120.000	120.000	0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
5	10.1 Giao thông	Xây dựng đường cấp theo đường dây 500kV đoạn Đồng Xoài - Đồng Phú	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020;	180.000	180.000	0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
6	10.1 Giao thông	Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	200.000	200.000	0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
7	10.1 Giao thông	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư	18/NQ-HĐND ngày 2/7/2021; 01/NQ-HĐND ngày 31/3/2022	150.000	150.000	0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
8	10.1 Giao thông	Nâng cấp mở rộng ĐT.753B đoạn Lam Sơn - Đàng Hà	18/NQ-HĐND ngày 2/7/2021; 01/NQ-HĐND ngày 31/3/2022	220.000	220.000	0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
9	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Hồ bậc thang suối cam 3	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	550.000	550.000	0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
10	10.1 Giao thông	Mở rộng ĐT.758 từ Bình Long đến Thuận Phú và đoạn kết nối QL14	18/NQ-HĐND ngày 2/7/2021	500	500	0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
11	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	50.000	0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
12	10.1 Giao thông	Đường từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu, thành phố Biên Hòa	23/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	2.148.668	2.148.668	50	Ban Quản lý dự án khu vực 01
13	10.1 Giao thông	Xây dựng đường nối từ đường Võ Thị Sáu sang đường Hưng Đạo Vương	96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	123.500	123.500	50	Ban Quản lý dự án khu vực 01

1	2	3	4	5	6	7	8
14	10.1 Giao thông	Đường D23 theo quy hoạch phường Tân Biên (đường vào khu tập thể nhà máy dệt Thống Nhất)	106/NQ-HĐND ngày 31/08/2020	22.617	22.617	30	Ban Quản lý dự án khu vực 01
15	10.1 Giao thông	Đường theo quy hoạch D8 tại phường Quang Vinh	59/HĐND ngày 13/10/2022	42.818	42.818	20	Ban Quản lý dự án khu vực 01
16	10.1 Giao thông	Đường kết nối đường Huỳnh Văn Nghệ và đường ven sông Đồng Nai (đường Nguyễn Bình Khiêm nối dài)	19/HĐND ngày 03/08/2021	51.757	51.757	28.410	Ban Quản lý dự án khu vực 01
17	10.1 Giao thông	Xây dựng cầu Bà Bớt, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa	6252/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	10.999	10.999	20	Ban Quản lý dự án khu vực 01
18	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng cầu Ông Gia, đường Trần Quốc Toản, phường An Bình, thành phố Biên Hòa	6253/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	12.111	12.111	20	Ban Quản lý dự án khu vực 01
19	10.1 Giao thông	Xây dựng đường liên khu phố 3,4 phường Long Bình, TP. Biên Hòa	28/NQ-HĐND ngày 04/11/2021	125.179	125.179	20	Ban Quản lý dự án khu vực 01
20	13. Dự án khác	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại phường Tân Biên 5,8ha (dự án 2)	129/NQ-HĐND ngày 19/12/2024	154.517	154.517	10	Ban Quản lý dự án khu vực 01
21	13. Dự án khác	Khu dân cư phục vụ tái định cư 2, phường Hiệp Hòa	106/NQ-HĐND ngày 31/8/2020	91.026	91.026	10	Ban Quản lý dự án khu vực 01
22	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường 9 tháng 4, phường Xuân Thanh (nay thuộc phường Xuân An)	2043/QĐ-UBND 20/12/2024	187.313	187.313	600	Ban Quản lý dự án khu vực 02
23	10.1 Giao thông	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trảng Bom - Thanh Bình, huyện Trảng Bom (chỉ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng)	772/QĐ-UBND Ngày 09/03/2021	1.039.494	1.039.494	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
24	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Công viên cây xanh tại xã Bình Minh	3138/QĐ-UBND 27/06/2024	9.204	9.204	0	Ban Quản lý dự án khu vực 03
25	10.1 Giao thông	Nâng cấp mặt đường, mương thoát nước đường Tân Lập 2	3743/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	14.300	14.300	0	Ban Quản lý dự án khu vực 03
26	10.1 Giao thông	Cải tạo mặt đường, mương thoát nước các tuyến đường thuộc ấp Tân Phát	3750/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	26.800	26.800	0	Ban Quản lý dự án khu vực 03
27	10.1 Giao thông	Đường Lô 35 Trung Tâm - Di tích U1	1724/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	12.000	12.000	0	Ban Quản lý dự án khu vực 03
28	10.1 Giao thông	Đường số 30 ấp Tân Bình (Nam QL 1A trong đường Sắt)	26257/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	71.500	71.500	0	Ban Quản lý dự án khu vực 03
29	10.1 Giao thông	Đường số 31 ấp Tân Bình	1802/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	12.000	12.000	0	Ban Quản lý dự án khu vực 03
30	10.1 Giao thông	Đường N1 (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường D6)	1000/QĐ-UBND ngày 17/3/2021	52.611	52.611	0	Ban Quản lý dự án khu vực 03
31	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Chỉnh trang lát đá vỉa hè, trồng cây xanh, xây hào kỹ thuật dọc Quốc Lộ 20, huyện Thống Nhất	2980/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	308.491	308.491	0	Ban quản lý dự án khu vực 04
32	10.1 Giao thông	Đường Trục chính N12 - Thị trấn Dầu Giây	2325/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	553.035	553.035	500	Ban quản lý dự án khu vực 04
33	10.2 Cấp nước, thoát nước	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào cửa xã số 1 Khu công nghiệp Dầu Giây	80/QĐ-UBND ngày 10/1/2025	173.151	173.151	500	Ban quản lý dự án khu vực 04
34	10.1 Giao thông	Đường vành đai phía Đông của huyện (Giáp thành phố Long Khánh)	21/QĐ-UBND ngày 05/01/2023	188.620	188.620	1.493	Ban quản lý dự án khu vực 04
35	10.1 Giao thông	Đường phía Nam KCN Dầu Giây	4974/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	65.797	65.797	190	Ban quản lý dự án khu vực 04
36	10.1 Giao thông	Đường phía nam suối Gia Đức (Từ đường Song hành quốc lộ 20 đến đường D6 Hồ Gia Đức)	5285/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	79.762	79.762	400	Ban quản lý dự án khu vực 04
37	10.1 Giao thông	Đường D17 (giai đoạn 2, đoạn từ UBND xã Bầu Hùm 2 đến đường N7)	739/QĐ-UBND ngày 21/3/2023	22.849	22.849	0	Ban quản lý dự án khu vực 04
38	10.2 Cấp nước, thoát nước	Trạm xử lý nước thải đô thị Dầu Giây	3336/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	59.775	59.775	0	Ban quản lý dự án khu vực 04
39	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường Suối Cạn	5148/QĐ-UBND ngày 17/12/2022	118.900	118.900	0	Ban quản lý dự án khu vực 04
40	10.1 Giao thông	Đường Mỏng 4 tết	4838/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	38.450	38.450	0	Ban quản lý dự án khu vực 04
41	10.1 Giao thông	Đường N13 giai đoạn 1 (đoạn từ đường ĐT769 đến đường QL1).	2990/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	336.734	336.734	0	Ban quản lý dự án khu vực 04
42	10.1 Giao thông	Đường N11 Thị trấn Dầu Giây (từ tỉnh lộ ĐT.769 đến khu tái định cư tại Thị trấn Dầu Giây)	2989/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	106.083	106.083	20	Ban quản lý dự án khu vực 04
43	10.1 Giao thông	Hệ thống thoát nước mưa bên trái đường QL1A (Đoạn từ cổng Ba Miệng đến đường D19)	2988/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	29.873	29.873	100	Ban quản lý dự án khu vực 04
44	10.12 Quy hoạch	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư số 4 xã Bầu Hùm 2	5641/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	447	447	0	Ban quản lý dự án khu vực 04
45	10.12 Quy hoạch	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Bầu Hùm 2 - thị trấn Dầu Giây	5643/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	700	700	0	Ban quản lý dự án khu vực 04
46	10.12 Quy hoạch	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tại xã Hưng Lộc	809/QĐ-UBND ngày 14/3/2025	877	877	0	Ban quản lý dự án khu vực 04
47	6.2 Văn hóa	Xây dựng Văn phòng ấp Ngô Quyền	3948/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	3.038	3.038	0	Ban quản lý dự án khu vực 04
48	10.1 Giao thông	Đường Trần Phú (đường N7) đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường tỉnh ĐT 771 huyện Long Thành	9177/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	1.354.593	1.354.593	0	Ban quản lý dự án khu vực 05
49	10.1 Giao thông	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đoạn từ đường Trần Phú đến đường 25A)	10413/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	1.315.888	1.315.888	40	Ban quản lý dự án khu vực 05
50	10.1 Giao thông	Đường số 7 (đoạn từ đường khu công nghiệp 5 đến đường Nguyễn Ái Quốc (giai đoạn 1), huyện Nhơn Trạch	5710/QĐ-UBND ngày 19/08/2024	395.836	395.836	0	Ban quản lý dự án khu vực 06
51	10.1 Giao thông	Đường số 13 đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Nguyễn Ái Quốc (gđ 1), huyện Nhơn Trạch	5708/QĐ-UBND ngày 19/08/2024	308.597	308.597	0	Ban quản lý dự án khu vực 06
52	10.1 Giao thông	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Thái Bường, huyện Nhơn Trạch	783/QĐ-UBND ngày 09/03/2021	269.405	269.405	2.200	Ban quản lý dự án khu vực 06
53	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Cải tạo, nâng cấp hệ thống chiếu sáng đường Hùng Vương đoạn qua xã Phú Đông	770/QĐ-UBND ngày 09/03/2021	7.000	7.000	0	Ban quản lý dự án khu vực 06
54	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Cải tạo, nâng cấp hệ thống chiếu sáng đường Lý Thái Tổ đoạn qua xã Phú Thạnh	769/QĐ-UBND ngày 09/03/2021	2.200	2.200	0	Ban quản lý dự án khu vực 06

1	2	3	4	5	6	7	8
55	10.1 Giao thông	Đường D, khu dân cư ngã tư Hiệp Phước	769/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	6.030	6.030	0	Ban quản lý dự án khu vực 06
56	10.1 Giao thông	Đường số 7 (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu dân cư Phú Thạnh – Long Tân)	5709/QĐ-UBND ngày 19/08/2024	141.897	141.897	0	Ban quản lý dự án khu vực 06
57	10.1 Giao thông	Đường số Lý Tự Trọng giai đoạn 1 (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường vành đai 3), huyện Nhơn Trạch.	3791/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	528.052	528.052	0	Ban quản lý dự án khu vực 06
58	6.2 Văn hóa	Trùng tu, tôn tạo di tích Đình Phú Mỹ tại xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch,	2647/QĐ-UBND ngày 10/06/2025	12.161	12.161	100	Ban quản lý dự án khu vực 06
59	10.1 Giao thông	Đường Đồi Đá - Bàu Trâm	748/QĐ-UBND ngày 14/3/2023	100.000	100.000	50	Ban quản lý dự án khu vực 07
60	10.1 Giao thông	Nâng cấp mở rộng đường Ngô Quyền và Lê Văn Vận	18/NQ-HĐND ngày 06/11/2023	181.792	181.792	450	Ban quản lý dự án khu vực 07
61	10.2 Cấp nước, thoát nước	Hệ thống thoát nước TTHC huyện Cẩm Mỹ ra Suối Cả	2892/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	102.962	102.962	200	Ban quản lý dự án khu vực 08
62	10.1 Giao thông	Đường Xuân Đường - Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	946/QĐ-UBND ngày 05/5/2023	780.898	780.898	1.000	Ban quản lý dự án khu vực 08
63	10.1 Giao thông	Đường N20 (đoạn N16-QL56) Giai đoạn 1: QL56-D3-1	3008/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	48.468	48.468	645	Ban quản lý dự án khu vực 08
64	10.1 Giao thông	Đường Vành Đai thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu (bao gồm hoàn vốn ứng trước)	29/NQ-HĐND ngày 29/10/2021	1.056.000	1.056.000	3.250	Ban quản lý dự án khu vực 09
65	10.1 Giao thông	Đường Quang Trung và đường Lê Đại Hành nối ra đường ĐT 768 nối dài và đường ĐT 762, huyện Vĩnh Cửu	29/NQ-HĐND ngày 29/10/2021	315.025	315.025	0	Ban quản lý dự án khu vực 09
66	10.2 Cấp nước, thoát nước	Mở rộng cấp nước 03 xã Là Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định (giai đoạn 1)	1711/QĐ-UBND ngày 10/05/2024	36.819	36.819	400	Ban quản lý dự án khu vực 10
67	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp Trụ sở UBND xã Nam Cát Tiên	2632/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	29.462	29.462	250	Ban quản lý dự án khu vực 11
68	6.2 Văn hóa	Xây dựng Hội trường Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng xã Phú Lập	2605/QĐ-UBND ngày 24/06/2024	14.891	14.891	0	Ban quản lý dự án khu vực 11
69	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Đường dây trung thế trạm biến áp Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện Tân Phú	3930/QĐ-UBND ngày 20/09/2024	658	658	0	Ban quản lý dự án khu vực 11
70	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Đường dây trung thế trạm biến áp Trụ sở Huyện ủy Tân Phú	3929/QĐ-UBND ngày 20/09/2024	403	403	0	Ban quản lý dự án khu vực 11
71	10.1 Giao thông	Xây dựng đường liên xã Đắc Nhau huyện Bù Đăng tới Đắc Ngo, Tuy Đức (NST 100%)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	50.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
72	10.1 Giao thông	Xây dựng đường vành đai từ đường Lê Duẩn (ĐT 759) đi xã Thiện Hưng, huyện Bù Đốp	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	80.000	80.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đốp
73	10.1 Giao thông	Xây dựng đường GTNT từ đường ĐT 759B (chợ biên giới cũ) đi đường tuần tra biên giới (khu dân cư liền kề chốt dân quân biên giới), xã Hưng Phước, tỉnh Đồng Nai	37/NQ-HĐND ngày 26/12/2023	22.000	22.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đốp
74	10.1 Giao thông	Xây dựng đường từ ĐT 759 (đoạn nân của Tân Tiến) đến khu dân cư đi chốt dân quân liền kề xã Tân Thành ra đường tuần tra biên giới	37/NQ-HĐND ngày 26/12/2023	50.000	50.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đốp
75	10.1 Giao thông	Xây dựng đường từ ĐT 759B (trung tâm xã Tân Tiến) đi xã Thanh Hòa	37/NQ-HĐND ngày 26/12/2024	28.000	28.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đốp
76	10.1 Giao thông	Xây dựng đường từ đường ĐT 759B (chợ Tân Thành) đi xã Lộc Quang - huyện Lộc Ninh	37/NQ-HĐND ngày 26/12/2023	30.000	30.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đốp
77	10.1 Giao thông	Nâng cấp xây cầu thay thế cầu sắt ấp Tân Hiệp xã Tân Thành	37/NQ-HĐND ngày 26/12/2023	5.000	5.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đốp
78	10.1 Giao thông	Nâng cấp cầu suối Mười Đạo ấp Tân Đông xã Tân Thành	37/NQ-HĐND ngày 26/12/2023	7.000	7.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đốp
79	10.1 Giao thông	Đường GTNT ấp Tân Định xã Tân Thành	37/NQ-HĐND ngày 26/12/2023	7.000	7.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đốp
80	10.1 Giao thông	Xây dựng đường ấp Tân Thuận xã Tân Tiến đi Đội 2 Trung đoàn 717	37/NQ-HĐND ngày 26/12/2023	7.000	7.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Bù Đốp
81	10.1 Giao thông	Xây dựng đường Nguyễn Văn Linh nối dài, (từ Quốc lộ 14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước (Chi phí thiết kế bản vẽ thi công và giải phóng mặt bằng)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ/HĐND ngày 10/12/2020	60.000	60.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
82	10.1 Giao thông	Xây dựng đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối Khu công nghiệp Becamex.	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	120.000	120.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
83	10.1 Giao thông	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	130.000	130.000	870	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
84	10.1 Giao thông	Xây dựng đường tổ 7B từ QL13 đến cao tốc Chơn Thành - Hoa Lư (phía Tây QL13), huyện Chơn Thành (Trước đây theo 11/NQ-HĐND dự án có tên là Xây dựng các tuyến đường ngang kết nối tuyến cao tốc Chơn Thành - Hoa Lư (phía Tây QL13) nhưng sau đó đã được điều chỉnh sang tên mới theo Nghị quyết 18/NQ-HĐND)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 18/NQ/HĐND ngày 02/07/2021	80.000	80.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
85	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường Cao Thắng, thị trấn Chơn Thành	132/NQ-HĐND ngày 27/12/2021; 40/NQ/HĐND ngày 25/7/2022	85.000	85.000	1.670	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
86	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Xây dựng hệ thống điện, cấp thoát nước khu dân cư đô thị và dịch vụ thương mại Suối Đồi	36/NQ/HĐND ngày 05/6/2023; 144/NQ/HĐND ngày 26/12/2024	45.500	45.500	330	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
87	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Xây dựng đường nội bộ trong khu nghĩa trang nhân dân thị xã Chơn Thành	36/NQ/HĐND ngày 05/6/2023; 144/NQ/HĐND ngày 26/12/2024	4.500	4.500	230	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
88	10.1 Giao thông	Xây dựng vòng xoay ngã tư Chơn Thành	16/NQ-HĐND ngày 09/04/2021	57.000	57.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành
89	10.1 Giao thông	Xây dựng đường N3 nối dài (từ đường Lạc Long Quân đến đường 2 tháng 4)	95/NQ-HĐND ngày 26/12/2022	80.000	80.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Chơn Thành

1	2	3	4	5	6	7	8
90	10.1 Giao thông	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến ĐT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú (NSH:100%)	39/NQ- HĐND ngày 23/12/2020; 28/NQ- HĐND ngày 16/12/2022; 43/NQ- HĐND ngày 19/12/2024	26.638	26.638	0	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
91	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Xây dựng mới, nâng cấp, chỉnh trang hàng rào huyện ủy, UBND huyện, Hội trường huyện Đồng Phú	37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	6.000	6.000	250	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
92	6.2 Văn hóa	Lắp đặt hệ thống sân khấu ngoài trời Quảng trường thành phố Đồng Xoài	3210/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	15.000	15.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
93	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	GPMB+ chỉnh trang vỉa hè, ngã rẽ đường Hai Bà Trưng	CV/03-HĐND ngày 17 /1/2022	6.000	6.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
94	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	GPMB + Xây dựng mương thoát nước đường Hùng Vương (đoạn từ đường Hùng Vương đến suối Tầm Vồng), phường Tân Bình	13/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	5.900	5.900	0	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
95	10.1 Giao thông	Xây dựng đường Nguyễn Văn Linh (từ đường QH số 21 đến đường Võ Văn Tần)	63/NQ-HĐND ngày 8/9/2023	19.900	19.900	0	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
96	10.1 Giao thông	Xây dựng đường vành đai thành phố Đồng Xoài từ khu Công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riềng Đỏ	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	300.000	300.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
97	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng 09 phòng học lầu trường TH Tân Bình					Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
98	10.1 Giao thông	Xây dựng đường An Dương Vương (đường Quy hoạch 48) phường Tân Phú (đoạn từ Quốc lộ 14 đến đường Lý Thường Kiệt), thành phố Đồng Xoài	152/HĐND ngày 28/10/2020	50.000	50.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
99	10.13 Công trình công cộng tại các ĐT và NT; HTKT khu đô thị	Xây dựng Hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện trung hạ thế khu U,V,X,Y của TTHC huyện	23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	8.400	8.400	0	Ban quản lý dự án khu vực Hớn Quản
100	10.1 Giao thông	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	60.000	60.000	0	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
101	10.1 Giao thông	Đường từ UBND xã Lộc Thuận kết nối QL 13	43/NQ-HĐND ngày 25/12/2020	60.000	60.000	650	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
102	10.1 Giao thông	Đường Bù Núi đi đường tuần tra Biên Giới	43/NQ-HĐND ngày 25/12/2021	115.000	115.000	760	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
103	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường từ ấp Ba Ven đi khu 41 hệ ấp Căn Lẻ	43/NQ-HĐND ngày 25/12/2022	14.000	14.000	0	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
104	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Xây dựng kè đá và cải tạo lòng hồ Bầu Lách gắn với phát triển du lịch huyện Phú Riềng	207/HĐND-KT ngày 21/10/2019	120.000	120.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
105	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Đầu tư cải tạo hệ thống thủy lợi, khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long (Từ khu vực hồ Đắc Tol, phường Sơn Giang đến thôn An Lương, xã Long Giang)	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	140.000	140.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Phước Long
106	10.1 Giao thông	Xây dựng đường quy hoạch số 7, huyện Đồng Phú (Đoạn từ ĐT753 đến đường Đồng Phú – Bình Dương, xã Tân Lợi) (Công văn số 205/UBND-KTN ngày 07/05/2026 chuyển chủ đầu tư)	37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	14.900	14.900		UBND xã Tân Lợi
IV		Danh mục dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư (sẽ bố trí vốn thực hiện khi đảm bảo khả năng cân đối nguồn vốn)					
1	5. Y tế, dân số và gia đình	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Định Quán					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
2	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu	20/NQ-HĐND ngày 02/8/2024	459.620	459.620		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
3	9.1 Môi trường	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên.	169/2015/NQ-HĐND 16/7/2015	291.656	291.656		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
4	9.1 Môi trường	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	169/2015/NQ-HĐND 16/7/2015	143.114	143.114		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
5	10.1 Giao thông	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối QL14	18/NQ-HĐND ngày 02/07/2021	450.000	450.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
6	13. Dự án khác	Xây dựng và mở rộng chợ Hóa An	104/NQ-HĐND ngày 24/4/2024	91.201	91.201		Ban Quản lý dự án khu vực 01
7	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Phan Đăng Lưu	106/NQ-HĐND ngày 31/8/2020	77.400	77.400		Ban Quản lý dự án khu vực 01
8	13. Dự án khác	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Thống Nhất	96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	80.000	80.000		Ban Quản lý dự án khu vực 01
9	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Mở rộng Trường THCS Hòa Hưng	3151/QĐ-UBND ngày 19/8/2019	14.500	14.500		Ban Quản lý dự án khu vực 01
10	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trường tiểu học Trảng Dài 4	4247/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	228.544	228.544		Ban Quản lý dự án khu vực 01
11	13. Dự án khác	Chỉnh trang đô thị, kè bờ nạo vét và kiến cổ hóa Suối Rết, thành phố Long Khánh	5358/QĐ-UBND 31/12/2021	488.722	488.722		Ban Quản lý dự án khu vực 02
12	10.1 Giao thông	Đường Vành đai 2, thành phố Long Khánh	27/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	1.858.000	1.858.000		Ban Quản lý dự án khu vực 02
13	10.1 Giao thông	Đường Ngô Quyền (đoạn từ đường Vành đai 2 đến cầu Đồng Háp)	4828/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	462.931	462.931		Ban Quản lý dự án khu vực 02
14	10.1 Giao thông	Đường CMT 8 nối dài, thành phố Long Khánh và hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường giao thông khu phức hợp phường Xuân an, Xuân Hòa, thành phố Long Khánh	81/NQ-HĐND ngày 28/7/2022	1294000	1294000		Ban Quản lý dự án khu vực 02
15	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường Nguyễn Trung Trực (Đoạn 1: đầu tuyến giao đường Hồ Thị Hương, điểm cuối tuyến giáp Khu tái định cư Bảo Vinh), phường Xuân Trung (nay thuộc phường Xuân An)	2043/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	108558	108558		Ban Quản lý dự án khu vực 02
16	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường Trần Nhân Tông, phường Bảo Vinh	2043/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	165549	165549		Ban Quản lý dự án khu vực 02
17	10.1 Giao thông	Đường Đức huy - thanh bình	44/NQ-HĐND ngày 6/8/2021	171894	171894		Ban quản lý dự án khu vực 04

1	2	3	4	5	6	7	8
18	10.1 Giao thông	Dự án Đường Lò Gạch - cầu Nước Trong (từ Quốc lộ 51 đến khu công nghiệp Long Đức) (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	5/QĐ-UBND ngày 04/01/2022	753.246	753.246		Ban quản lý dự án khu vực 05
19	10.1 Giao thông	Đường Nguyễn Du	10413/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	1.256.480	1.256.480		Ban quản lý dự án khu vực 05
20	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Dương Văn Thi	2422/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	13.644	13.644		Ban quản lý dự án khu vực 06
21	9.1 Môi trường	Chỉnh trang đô thị, xây kè bảo vệ nguồn nước đầu nguồn hồ Núi Lẻ, huyện Xuân Lộc	2920/ QĐ-UBND ngày 25/8/2021	287.180	287.180		Ban quản lý dự án khu vực 07
22	10.1 Giao thông	Nâng cấp đường Bảo Hòa - Long Khánh (100% NSTP)	27/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	266.680	266.680		Ban quản lý dự án khu vực 07
23	10.1 Giao thông	Đường Xuân Tâm - Trảng Táo	33/NQ-HĐND ngày 23/11/2020	120.000	120.000		Ban quản lý dự án khu vực 07
24	10.1 Giao thông	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	6063/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	50.000	50.000		Ban quản lý dự án khu vực 07
25	10.1 Giao thông	Đường Chiến Thắng - Nam Hà	6068/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	50.000	50.000		Ban quản lý dự án khu vực 07
26	10.1 Giao thông	Đường Xuân Trường - Suối Cao	33/NQ-HĐND ngày 23/11/2020	100.000	100.000		Ban quản lý dự án khu vực 07
27		Hệ thống điện chiếu sáng đường Huỳnh Văn Nghệ	3226/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	2.008	2.008		Ban quản lý dự án khu vực 07
28	10.1 Giao thông	Đường Vành đai Long Giao (GD1)	4827/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	725900	725.900		Ban quản lý dự án khu vực 08
29	10.1 Giao thông	Đường N1, huyện Cẩm Mỹ	4826/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	167.468	167.468		Ban quản lý dự án khu vực 08
30	8. Thể dục, thể thao	Nhà thi đấu đa năng huyện Cẩm Mỹ	947/QĐ-UBND ngày 05/5/2023	69.800	69.800		Ban quản lý dự án khu vực 08
31	10.1 Giao thông	Đường số 27	3074/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	79.900	79.900		Ban quản lý dự án khu vực 08
32	10.1 Giao thông	Đường nội đồng tổ 15 ấp Thoại Hương, xã Xuân Đông	1094/QĐ-UBND 22/12/2023	23.820	23.820		Ban quản lý dự án khu vực 08
33	10.1 Giao thông	Đường ấp 5 - Quảng Thành	716/QĐ_UBND ngày 20/7/2022	14.977	14.977		Ban quản lý dự án khu vực 08
34	10.1 Giao thông	Đường Rừng Tre La Hoa	714/QĐ_UBND ngày 20/7/2022	67.234	67.234		Ban quản lý dự án khu vực 08
35	10.1 Giao thông	Đường Thống Nhất - Cẩm Mỹ	712/QĐ_UBND ngày 20/7/2022	40.990	40.990		Ban quản lý dự án khu vực 08
36	10.1 Giao thông	Đường 765 đi Làng Dân Tộc	713/QĐ_UBND ngày 20/7/2022	32.998	32.998		Ban quản lý dự án khu vực 08
37	10.1 Giao thông	Đường Xuân Báo-Xuân Tây	989/QĐ_UBND ngày 30/9/2022	73.468	73.468		Ban quản lý dự án khu vực 08
38	10.1 Giao thông	Đường Ấp 10-11 Xuân Tây	710/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	41.868	41.868		Ban quản lý dự án khu vực 08
39	10.1 Giao thông	Đường số 28	717/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	39.899	39.899		Ban quản lý dự án khu vực 08
40	10.1 Giao thông	Đường Nhân Nghĩa-Xuân Đông	1186/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	197.800	197.800		Ban quản lý dự án khu vực 08
41	10.1 Giao thông	Đường Chốt Mỹ-Xuân Tây	1186/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	92.500	92.500		Ban quản lý dự án khu vực 08
42	10.1 Giao thông	Đường D13 (Đoạn N16-N20)	2247/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	3.600	3.600		Ban quản lý dự án khu vực 08
43	10.1 Giao thông	Đường D21 (đoạn N16 - N20)	2245/QĐ-UBND ngày 09/11/20021	4.636	4.636		Ban quản lý dự án khu vực 08
44	10.1 Giao thông	Đường D17 (đoạn N16 - N20)	2762/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	3.244	3.244		Ban quản lý dự án khu vực 08
45	10.1 Giao thông	Đường Long Giao - Bảo Bình nối đường số 28 (tuyến số 1)	3073/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	9.479	9.479		Ban quản lý dự án khu vực 08
46	10.1 Giao thông	Đường N17 (đoạn N18-:-D11)	715/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	4.100	4.100		Ban quản lý dự án khu vực 08
47	10.1 Giao thông	Đường D11 (đoạn N14-2 -:- N18)	2927/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	4.100	4.100		Ban quản lý dự án khu vực 08
48	10.1 Giao thông	Đuòong N18 (đoạn D21 - D7)	804/QĐ-UBND ngày 11/8/2022	20.431	20.431		Ban quản lý dự án khu vực 08
49	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Xây mới lại kênh nội đồng ấp 6 xã Sông Nhạn (Hệ thống kênh đập Suối Sầu)	95/QĐ-UBND ngày 08/3/2024	9.174	9.174		Ban quản lý dự án khu vực 08
50	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Hệ thống kênh dẫn nước hồ Suối Đồi	99/QĐ-UBND ngày 11/3/2024	14.986	14.986		Ban quản lý dự án khu vực 08
51	10.1 Giao thông	Hệ thống chiếu sáng đường Xuân Phú - Xuân Tây, xã Xuân Tây	1425/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	2.849	2.849		Ban quản lý dự án khu vực 08
52	10.1 Giao thông	Hệ thống chiếu sáng Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	1426/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	3.092	3.092		Ban quản lý dự án khu vực 08
53	10.1 Giao thông	Hệ thống chiếu sáng Đường 57 - Suối Rầu, xã Xuân Quế	1427/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	3.882	3.882		Ban quản lý dự án khu vực 08
54	10.1 Giao thông	Hệ thống chiếu sáng Đường Cầu Đò - Suối Rầu, xã Xuân Quế	1428/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	882	882		Ban quản lý dự án khu vực 08
55	10.1 Giao thông	Hệ thống chiếu sáng Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	1429/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	3.424	3.424		Ban quản lý dự án khu vực 08
56	10.1 Giao thông	Hệ thống chiếu sáng Đường Tân Bình, xã Bảo Bình	1430/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	3.874	3.874		Ban quản lý dự án khu vực 08
57	10.1 Giao thông	Hệ thống chiếu sáng Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	1431/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	6.153	6.153		Ban quản lý dự án khu vực 08
58	10.1 Giao thông	Hệ thống chiếu sáng Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	1432/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	4.677	4.677		Ban quản lý dự án khu vực 08
59	10.1 Giao thông	Hệ thống chiếu sáng tuyến Đường ấp 6, ấp 7, xã Sông Ray	1433/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	3.366	3.366		Ban quản lý dự án khu vực 08
60	10.1 Giao thông	Hệ thống đèn chiếu sáng tuyến Đường Đồi Sọ - Nam Hà, xã Xuân Báo	1434/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	6.022	6.022		Ban quản lý dự án khu vực 08
61	10.1 Giao thông	Hệ thống đèn chiếu sáng tuyến Đường khu 3, ấp 6, xã Sông Nhạn	1435/QĐ-UBND 31/12/2024	1.121	1.121		Ban quản lý dự án khu vực 08

1	2	3	4	5	6	7	8
62	10.1 Giao thông	Hệ thống đèn chiếu sáng Đường Xuân Mỹ - Hoàn Quân	1436/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	1.567	1.567		Ban quản lý dự án khu vực 08
63	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Xây dựng mới Nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Sông Ray	96/QĐ-UBND ngày 08/3/2024	2.995	2.995		Ban quản lý dự án khu vực 08
64	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Xây dựng mới Nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Xuân Mỹ	1118/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	2.927	2.927		Ban quản lý dự án khu vực 08
65	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Xuân Đường	1021/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	14.999	14.999		Ban quản lý dự án khu vực 08
66	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND xã Xuân Quế thành trụ sở làm việc Công an xã Xuân Quế	226/QĐ-UBND ngày 09/5/2024	7.637	7.637		Ban quản lý dự án khu vực 08
67	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND xã Sông Nhạn thành trụ sở làm việc Công an xã Sông Nhạn	231/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	6.932	6.932		Ban quản lý dự án khu vực 08
68	11. Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SNCL, tổ chức CT và tổ chức CT-XH	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND xã Thừa Đức thành trụ sở làm việc Công an xã Thừa Đức	159/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	7.562	7.562		Ban quản lý dự án khu vực 08
69	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây mới Trường mầm non Hướng Dương	220/QĐ_UBND ngày 31/3/2023	28.236	28.236		Ban quản lý dự án khu vực 08
70	10.4 NN, LN, DN, thủy lợi và thủy sản	Nạo vét xây dựng bờ kè suối Tân Trạch, huyện Vĩnh Cửu	2301/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	504.865	504.865		Ban quản lý dự án khu vực 09
71	10.1 Giao thông	Cầu Suối Soong (Đường 118 - sông Đồng Nai)	3327/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	14.970	14.970		Ban quản lý dự án khu vực 10
72	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Nâng cấp và sửa chữa Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên (cơ sở 1, 2)	313/QĐ-UBND ngày 20/02/2025	9.012	9.012		Ban quản lý dự án khu vực 10
73	10.1 Giao thông	Đường Nguyễn Trãi nối dài	14/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	40.908	40.908		Ban quản lý dự án khu vực 10
74	10.1 Giao thông	Cầu Tam Bung 2 đường 101 Nam lộ	14/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	14.054	14.054		Ban quản lý dự án khu vực 10
75	10.1 Giao thông	Cầu Suối Nhân đường 101 Nam Lộ	14/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	29.079	29.079		Ban quản lý dự án khu vực 10
76	10.1 Giao thông	Xây dựng mở rộng đường Lý Thái Tổ, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019	124.070	124.070		Ban quản lý dự án khu vực 10
77	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh	24/NQ-HĐND ngày 21/12/2023	94.966	94.966		Ban quản lý dự án khu vực 10
78	10.1 Giao thông	Đường Điều Cai (Đoạn đầu đường Trần Phú đến đường Thắc Mai)	24/NQ-HĐND ngày 21/12/2023	39.836	39.836		Ban quản lý dự án khu vực 10
79	10.1 Giao thông	Cầu Nagoa đường Nagoa	3749/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 2115/QĐ-UBND ngày 28/06/2025	5.013	5.013		Ban quản lý dự án khu vực 10
80	10.1 Giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường Phú Lợi - Phú Hoà	14/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	156.558	156.558		Ban quản lý dự án khu vực 10
81	13. Dự án khác	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân khu 3 thị trấn Định Quán	2039/QĐ-UBND ngày 26/06/2025	3.374	3.374		Ban quản lý dự án khu vực 10
82	10.1 Giao thông	Xây dựng đường N1 trung tâm hành chính mới	132/NQ-HĐND ngày 20/10/2020	42.000	42.000		Ban quản lý dự án khu vực Bình Long
83	10.1 Giao thông	Xây dựng đường N2 trung tâm hành chính mới	132/NQ-HĐND ngày 20/10/2020	17.500	17.500		Ban quản lý dự án khu vực Bình Long
84	10.1 Giao thông	Xây dựng đường D6 trung tâm hành chính mới	132/NQ-HĐND ngày 20/10/2020	55.000	55.000		Ban quản lý dự án khu vực Bình Long
85	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng trường tiểu học Thanh Bình	15/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	60.000	60.000		Ban quản lý dự án khu vực Bình Long
86	10.1 Giao thông	Xây dựng đường liên xã Phú Sơn – Đồng Nai	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	30000	30000		Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
87	10.1 Giao thông	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	40000	40000		Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
88	10.1 Giao thông	Xây dựng đường liên xã Thống Nhất đi xã Phước Sơn	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	65000	65000		Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
89	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng Trường Mẫu giáo Hoa Lan, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	11/NQ-HĐND ngày 13/07/2020	20000	20000		Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
90	3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng 06 phòng hành chính, 11 phòng học, 15 phòng bộ môn, 04 phòng hỗ trợ học tập, 03 phòng phụ trợ và các hạng mục khác trường tiểu học & THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai.	09/NQ-HĐND ngày 22/7/2022	32.450	32.450		Ban quản lý dự án khu vực Bù Đăng
91	10.12 Quy hoạch	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu cảnh quan đô thị kết hợp thoát lũ suối Rạt, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	10/NQ_HĐND ngày 29/04/2024	5.130	5.130		Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
92	10.1 Giao thông	Xây dựng đường nối từ khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến khu công nghiệp Đồng Xoài III, thị xã Đồng Xoài	2473/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	34.100	34.100		Ban quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
93	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	52/NQ-HĐND ngày 22/3/2023;	14.000	14.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
94	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	53/NQ-HĐND ngày 22/3/2023;	7.000	7.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng
95	10.13 Công trình công cộng tại các DT và NT; HTKT khu đô thị	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha) - Giai đoạn 2	55/NQ-HĐND ngày 22/3/2023;	6.000	6.000	0	Ban quản lý dự án khu vực Phú Riềng